



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

SỞ CÔNG THƯƠNG TRÀ VINH

ĐC: SỐ 02 LÝ TỰ TRỌNG, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Website: <http://sct.travinh.gov.vn> - Điện thoại: 0294 3852 594

Số 07

Ngày 18/5/2022



TÀI LIỆU THAM KHẢO - PHỤC VỤ ĐIỀU HÀNH QUẢN LÝ

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

TỔNG HỢP HÀNG TUẦN - PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

**Thông tin phục vụ cho lãnh đạo các đơn vị, doanh nghiệp
tham khảo, điều hành**

<i>Trong số này:</i>	<i>Trang</i>
MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý	1
Kinh tế thế giới	1
Kinh tế trong nước	2
Thông tin chính sách và phổ biến ứng dụng khoa học kỹ thuật	3
THÔNG TIN NÔNG SẢN	4
Hướng xuất khẩu nông sản vào các thị trường lớn	4
Xuất khẩu rau quả giảm mạnh ở Trung Quốc nhưng khởi sắc ở nhiều nước như Mỹ, Nhật, Hàn,...	7
THÔNG TIN THỦY SẢN	9
Giá cá tra xuất đi Mỹ lập đỉnh mới	9
Trung Quốc và Mỹ tiếp tục là trọng lực chính cho xuất khẩu thủy sản quý II/2022	11
THÔNG TIN CHĂN NUÔI	12
Giá heo hơi tăng nhẹ	12
Tình hình thị trường thịt thế giới	14
THÔNG TIN LÚA GẠO	16
Tổng quan thị trường lúa gạo đến ngày 6/5: Giá gạo đồng loạt tăng tại Ấn Độ, Việt Nam và Thái Lan	16
THÔNG TIN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP	18
Tổng quan thị trường thức ăn chăn nuôi và dự báo	18
Thị trường trong nước	19
THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI	21
Brazil - thị trường nhiều tiềm năng cho hàng hóa Việt	21
THÔNG TIN GIAO THƯƠNG	23
THÔNG TIN CẢNH GIÁC	26
Giá trái cây giảm gây khó khăn cho các nhà vườn	26
THÔNG TIN AN TOÀN THỰC PHẨM	27
Nguy cơ gây hại cho sức khỏe khi sử dụng thịt đông lạnh không đúng cách	27
GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG	28
Giá cả trong tỉnh	28

MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý

1. KINH TẾ THẾ GIỚI

Lạm phát đang tăng nhanh tại các nền kinh tế lớn trên thế giới

Lạm phát tại Mỹ tiếp tục tăng lên mức kỷ lục trong hơn 40 năm qua

Bộ Lao động Mỹ ngày 11/5 công bố tỷ lệ lạm phát của nền kinh tế lớn nhất thế giới tháng Tư vừa qua tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước, đồng thời là tháng thứ hai liên tục trong năm nay lạm phát vượt trên 8%. Như vậy, lạm phát ở Mỹ trong tháng Ba (8,5%) và tháng Tư năm nay đều tăng tới mức kỷ lục trong hơn 40 năm qua, tính từ tháng 12/1981. Ngày 11/5, Ngân hàng Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) ra thông cáo báo chí nhận định tình hình lạm phát vẫn cao như vậy cho thấy sự mất cân bằng giữa cung và cầu liên quan tới đại dịch, đồng thời giá năng lượng tăng cao đã tạo thêm nhiều áp lực về giá cả đối với nhiều loại mặt hàng.

Fed cũng cho rằng cuộc xung đột Nga - Ukraine và những vấn đề liên quan tới cuộc chiến này đang tạo ra áp lực ngày càng lớn đối với tỷ lệ lạm phát và điều này chắc chắn ảnh hưởng tới nền kinh tế. Theo Bộ Lao động Mỹ, mặc dù tỷ lệ lạm phát trong tháng Tư có thấp hơn tháng Ba một chút chủ yếu nhờ giá xăng dầu có hạ nhiệt, tuy nhiên kể từ ngày 10/5 vừa qua thì giá xăng lại tiếp tục leo thang. Giá rau quả, thực phẩm, các loại dịch vụ và giao thông đi lại, nhất là bằng đường hàng không đều tăng đáng kể; giá vé máy bay tăng 18,6% trong tháng Tư so với tháng Ba, mức tăng có thể nói là nhanh kỷ lục; giá ăn uống tại các nhà hàng cũng tăng 0,9% - mức tăng nhiều nhất kể từ tháng 10/2021.

Giá các loại xe biển động khó lường trong tháng Tư dù đã tăng mạnh kể từ năm 2021 do thiếu cung. Giá ô tô đã qua sử dụng và xe tải tăng 22,7% so với cùng kỳ năm trước, nhưng có giảm so với mức tăng 35,3% trong tháng Ba. Tuy nhiên, giá xe mới lại tăng tới 13,2% so với cùng kỳ năm trước và là mức tăng lớn nhất trong 12 tháng, tính từ năm 1949. Tỷ lệ lạm phát của Mỹ đã tăng vọt kể từ đầu năm 2021 khi nền kinh tế nước này bắt đầu phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch, thậm chí khiến các chuỗi cung bị đứt gãy và chính sự mất cân bằng cung cầu đã tạo áp lực khiến giá cả tăng cao, chưa kể các nguyên nhân khác. Fed hiện đối mặt với bài toán rất khó là làm sao có thể thắt chặt chính sách tiền tệ để giảm lạm phát và hạ nhiệt nền kinh tế mà lại không hạn chế tăng trưởng và gây ra suy thoái. Trong khi đó, giới chuyên gia tại địa bàn tính toán rằng để giữ cho nền kinh tế ổn định, Fed phải nỗ lực để đưa được tỷ lệ lạm phát của Mỹ về mức 2%.

Trung Quốc: Lạm phát tăng với tốc độ nhanh nhất trong nửa năm

Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS), trong tháng Tư, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), thước đo chính của lạm phát bán lẻ, đã tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước và cũng cao hơn tháng trước. Số liệu thống kê chính thức cho thấy lạm phát tiêu dùng tại Trung Quốc đã tăng với tốc độ nhanh nhất trong gần nửa năm, trước đà tăng chi phí kiểm soát dịch COVID-19 và giá hàng hóa cao. Những tác động kinh tế từ chiến lược “không COVID” của Trung Quốc ngày càng phản ánh rõ hơn trong số liệu kinh tế, khi tình trạng phong tỏa tại các thành phố quan trọng như Thượng Hải ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng và đẩy giá vận tải lên cao.

Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS), trong tháng Tư, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), thước đo chính của lạm phát bán lẻ, đã tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước và cũng cao hơn tháng trước. Dong Lijuan, chuyên gia của NBS, cho rằng đà tăng của CPI là do các vấn đề như diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 và đà tăng giá hàng hóa quốc tế. Kể từ tháng Tư, Thượng Hải, thành phố lớn nhất của Trung Quốc, gần như bị phong tỏa hoàn toàn. Hầu hết trong số 25 triệu cư dân của thành phố đã buộc phải ở lại nhà, trong khi hàng hóa chất đống tại các cảng của Thượng Hải. Theo chuyên gia Dong Lijuan, giá nhiều mặt hàng như khoai tây, trứng và trái cây tươi đều tăng, do chi phí hậu cần cao hơn trong giai đoạn đại dịch COVID-19 bùng phát và nhu cầu dự trữ tăng.

Các số liệu mới nhất cũng cho thấy sau 4 tháng giảm liên tiếp, giá lương thực nói chung đã tăng lần đầu tiên trong tháng Tư. Trong khi đó, Chỉ số giá sản xuất (PPI) tăng 8%, cao hơn dự kiến, khi giá các mặt hàng như dầu thô và kim loại màu vẫn ở mức cao. Chuyên gia Julian Evans-Pritchard của công ty nghiên cứu kinh tế Capital Economics, có trụ sở tại London, nhận định tình trạng gián đoạn nguồn cung do ảnh hưởng của dịch COVID-19 sẽ tiếp tục đẩy giá sản xuất lên cao.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

2. KINH TẾ TRONG NƯỚC

Ưu đãi thuế quan theo các FTA đã được tận dụng hiệu quả

Theo số liệu từ Bộ Công Thương, tổng kim ngạch xuất khẩu tận dụng ưu đãi thuế quan theo FTA năm 2021 đạt 69,08 tỷ USD, chiếm 32,66% tổng kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường ký FTA. Trong năm 2021, đã có 1,2 triệu bộ C/O ưu đãi được cấp, tăng 24% về trị giá và tăng 23% về số lượng bộ C/O so với năm 2020.

Về cơ cấu mặt hàng: Trong nhóm hàng công nghiệp, mặt hàng giày dép có tỷ lệ sử dụng C/O ưu đãi theo FTA khá cao, chiếm 95,92% với kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường ký FTA với Việt Nam là 9,25 tỷ USD, giảm nhẹ 2,78% so với năm 2020. Tiêu chí xuất xứ đối với mặt hàng giày dép trong các FTA được đánh giá là phù hợp với khả năng đáp ứng của doanh nghiệp Việt Nam. Bởi vậy, giày dép luôn là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu cấp C/O cao và tỷ lệ sử dụng C/O ưu đãi cao khi xuất khẩu sang các thị trường có FTA. Đối với một số thị trường, tỷ lệ này đạt 100%, tức là 100% các lô hàng xuất khẩu đều sử dụng C/O ưu đãi. Nhựa và cao su là nhóm sản phẩm đứng thứ hai với tỷ lệ sử dụng C/O ưu đãi lần lượt là 69,02% và 67,37% với kim ngạch xuất khẩu được cấp C/O ưu đãi đạt 2,87 tỷ USD và 2,38 tỷ USD, tăng tương ứng 33,25% và 30,42% so với năm 2020. Tiếp đó là sản phẩm dệt may với kim ngạch xuất khẩu được cấp C/O ưu đãi đạt 9,14 tỷ USD, chiếm tỷ lệ 59,90% trong tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm mặt hàng này (hơn 15,26 tỷ USD) sang các thị trường có FTA và tăng 13,35% so với kim ngạch xuất khẩu được cấp C/O ưu đãi của mặt hàng này năm 2020.

Nhiều mặt hàng trong nhóm hàng nông, thủy sản có tỷ lệ sử dụng C/O ưu đãi cao khi xuất khẩu sang các thị trường có FTA như thủy sản (66,34%), rau quả (65,16%), chè (47,35%) và hạt tiêu (42,03%). Về kim ngạch tận dụng ưu đãi thuế quan, hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc đứng đầu với trị giá 18,9 tỷ USD. Tiếp đó là hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang ASEAN và Hàn Quốc với trị giá lần lượt là 11,6 tỷ USD và 11,2 tỷ USD. Lượng hàng hóa xuất khẩu tận dụng ưu đãi thuế quan từ Việt Nam sang thị trường Lào, Campuchia và Cuba có kim ngạch không đáng kể. Về tỷ lệ tận dụng ưu đãi FTA: Thị trường Ấn Độ chiếm tỷ lệ tận dụng ưu đãi từ AIFTA cao nhất với 68,7%; đứng tiếp theo là thị trường Chile và Hàn Quốc với tỷ lệ tận dụng lần lượt là 61,8% và 51%. Tỷ lệ tận dụng ưu đãi từ thị trường Lào và Campuchia không cao do Lào và Campuchia đều là thành viên ASEAN nên doanh nghiệp thường tận dụng ưu đãi trực tiếp từ Hiệp định ATIGA. Tính chung tỷ lệ tận dụng ưu đãi FTA của Việt Nam năm 2021 là 32,66%.

Tỷ lệ sử dụng C/O ưu đãi 32,66% không có nghĩa là hơn 67% kim ngạch hàng hóa xuất khẩu còn lại của Việt Nam phải chịu thuế cao. Thực tế, thuế nhập khẩu MFN tại một số thị trường đã là 0%, hoặc ở mức rất thấp 1-2%, hoặc tương đương với mức thuế suất ưu đãi đặc biệt theo FTA. Trong các trường hợp này, doanh nghiệp không đề nghị cấp C/O ưu đãi khi xuất khẩu bởi việc có hay không có C/O ưu đãi không tạo sự khác biệt về thuế quan. Chẳng hạn, kim ngạch xuất khẩu đi Singapore có sử dụng C/O mẫu D trong năm 2021 đạt 322,7 triệu USD, chỉ chiếm khoảng 8,13% trong 3,97 tỷ USD tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này, nguyên nhân chủ yếu là do thuế MFN của nước này đã là 0% nên doanh nghiệp không cần thiết xin C/O ưu đãi khi xuất khẩu. Tương tự, Australia và New Zealand đã áp thuế MFN 0% đối với nhiều mặt hàng thủy sản, do đó mặt hàng thủy sản của Việt Nam không cần C/O khi xuất khẩu sang thị trường hai nước này.

Kim ngạch cấp C/O mẫu CPTPP trong năm 2021 đạt 2,5 tỷ USD, bằng 6,34% tổng kim ngạch xuất khẩu sang các nước thành viên đã phê chuẩn Hiệp định CPTPP. Tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP khi xuất khẩu sang các thị trường này không cao là do hầu hết các nước đối tác đều đã có Hiệp định thương mại tự do với Việt Nam với quy tắc xuất xứ lỏng hơn và mức thuế suất ưu đãi hơn so với CPTPP trong những năm đầu CPTPP có hiệu lực.

Năm 2021, kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O mẫu EUR.1 sang thị trường EU và Anh không qua cao (lần lượt ở mức 20,18% và 17,19%). Một số nhóm hàng có tỷ lệ sử dụng ưu đãi C/O mẫu EUR.1 rất tốt như gạo (100%), giày dép (98,02%), thủy sản (76,9%), nhựa và sản phẩm nhựa (70,63%). Trong thời gian tới, tỷ lệ sử dụng C/O ưu đãi trong tổng kim ngạch xuất khẩu còn có thể tăng hơn nữa do hiện tại, đối với thị trường EU và Anh vẫn đang tồn tại song song 02 ưu đãi GSP và EVFTA/ UKVFTA, doanh nghiệp vẫn đang áp dụng cả 2 cơ chế này khi xuất khẩu hàng hóa sang EU/Anh và lựa chọn C/O mẫu EUR.1 hoặc C/O mẫu A hoặc tự chứng nhận xuất xứ theo cơ chế REX để hưởng ưu đãi thuế quan theo cơ chế tương ứng khi xuất khẩu sang EU/Anh.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

3. THÔNG TIN CHÍNH SÁCH VÀ PHỔ BIẾN ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT Chế tạo thành công máy tách vỏ dừa tự động

ThS Đặng Hoàng Vũ tại Khoa Kỹ thuật & Công nghệ, Trường Đại học Trà Vinh trong bài viết mới đây cho biết, nhóm nghiên cứu thuộc Trường Đại học Trà Vinh phối hợp cùng các cơ sở chế biến dừa trên địa bàn tỉnh đã chế tạo thành công máy tách vỏ dừa tự động. Máy có thể tách từ 500-700 vỏ dừa/giờ, năng suất cao gấp 3 lần so với tách thủ công. Đây là sản phẩm của đề tài khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh “Chế tạo máy tách vỏ trái dừa tại Trà Vinh phục vụ sản xuất tơ xơ dừa”, mã số 03/KQNC-SKHCN.



Tơ xơ dừa là một dạng sản phẩm từ vỏ dừa, chiếm tỷ trọng cao trong xuất khẩu, sợi xơ dừa dùng để làm chổi, bàn chải, thảm chùi chân, thảm lót sàn, đệm xơ dừa, tấm xơ dừa tráng cao su.... Nhu cầu tiêu thụ và thị trường xuất khẩu các sản phẩm từ xơ dừa là rất lớn, song năng lực sản xuất của doanh nghiệp trong nước còn hạn chế do khâu tách vỏ lấy xơ vẫn phải thực hiện bằng phương pháp thủ công. Phương pháp này không những tiềm ẩn nguy cơ về an toàn cho người lao động mà còn làm doanh nghiệp, cơ sở sản xuất gặp tình trạng thiếu hụt lực lượng lao động trong khâu tách vỏ dẫn đến hạn chế về năng suất.

Chính vì vậy, công đoạn tách vỏ dừa gần đây đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, chế tạo, song tất cả mới dừng lại ở giai đoạn thực nghiệm, chưa có máy tách nào đáp ứng được nhu cầu thực tế. Tại một số cơ sở chế biến dừa đã có máy tách vỏ tự chế nhưng chỉ là sản phẩm đơn lẻ, năng suất thấp, đặc biệt là chưa có khả năng tích hợp với dây chuyền sản xuất công nghiệp. Với mong muốn góp phần giảm thiểu nguy cơ về tai nạn lao động, đồng thời nâng cao năng suất sản phẩm cho các cơ sở chế biến tơ xơ dừa, nhóm nghiên cứu thuộc Trường Đại học Trà Vinh đã đề xuất và được Sở KH&CN tỉnh phê duyệt thực hiện đề tài “Chế tạo máy tách vỏ trái dừa tại Trà Vinh phục vụ sản xuất tơ xơ dừa”, mã số 03/KQNC-SKHCN.

Trong quá trình nghiên cứu, nhóm đã tìm ra nguyên lý tách trục răng quay dựa trên nguyên lý chuyển động quay tròn hai trục rulô mang nhiều răng nhọn. Trên trục rulô răng bố trí các trụ nhọn có khả năng đâm xuyên qua lớp vỏ trái dừa, các răng trên hai trục rulô được bố trí lệch nhau theo vòng răng, tăng khả năng bầu răng liên tục lên vỏ trái dừa dẫn đến vỏ dừa được tách liên tục cho đến khi hoàn toàn ra khỏi hạt dừa. Qua đó, nhóm nghiên cứu tiến hành chế tạo mẫu máy và cải tiến thêm một số yếu tố như: biên dạng răng trên trục rulô răng tách, bố trí thêm cơ cấu trợ lực giữ dừa trái và tỳ quả dừa vào sát trục răng tách, biên dạng cánh cao su tại vị trí tiếp xúc với quả dừa. Kết quả ứng dụng trong thực tế của của sản phẩm máy tách đã đáp ứng được mục tiêu đặt ra. Máy tách vỏ dừa tự động giúp cho cơ sở, doanh nghiệp chế biến dừa không chỉ tiết kiệm chi phí, thời gian sản xuất, mà còn chủ động trong khâu tách vỏ để sản xuất tơ xơ dừa.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN NÔNG SẢN

Hướng xuất khẩu nông sản vào các thị trường lớn



Trong quý I-2022, mặc dù phải tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức nhưng xuất khẩu nông sản Việt Nam đã có sự tăng trưởng đáng ghi nhận. Tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt hơn 12,8 tỷ USD, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm trước và nông sản Việt Nam đã khẳng định được vị thế ở nhiều thị trường lớn, có giá trị kinh tế cao. Đây là những tín hiệu tích cực báo hiệu những thành công mới cho xuất khẩu nông sản Việt Nam trong năm 2022.

Theo dự báo, nhu cầu lương thực, thực phẩm trên thế giới sẽ tăng mạnh trong thời gian tới và là cơ hội cho nông sản Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu. Tuy nhiên, tình hình dịch Covid-19 và những biến động phức tạp về chính trị trên thế giới như hiện nay sẽ tiếp tục tác động tiêu cực đến việc kết nối thị trường. Trong khi đó, nhiều nước nhập khẩu đã tăng cường các biện pháp giám sát chất lượng... Với tình hình trên, dự báo, xuất khẩu thủy sản ở những tháng tiếp theo sẽ tiếp tục chịu tác động tiêu cực từ những biến động trên thị trường quốc tế, tuy nhiên nhóm hàng này vẫn có nhiều cơ hội tăng trưởng ở các nước, khu vực như Hoa Kỳ, EU khi hoạt động giao thương, xúc tiến thương mại đã trở lại trạng thái bình thường.

Để thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, Giám đốc Công ty cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Trung An Phạm Thái Bình thông tin: Công ty sẽ đẩy mạnh khai thác các thị trường lớn, có giá trị cao như: Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản... Thời gian tới, công ty tiếp tục chủ động liên kết, xây dựng các vùng sản xuất gạo chất lượng cao để đáp ứng những đơn hàng từ các thị trường lớn, tiềm năng này. Cùng với việc chú trọng theo dõi, nắm bắt và tổng hợp thông tin, số liệu về giá cả, tình hình sản xuất và nguồn cung các mặt hàng nông sản tại địa phương trong nước trong điều kiện mới, Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Phùng Đức Tiến cho biết: Bộ NN&PTNT triển khai cập nhật hệ thống phần mềm dữ liệu cung cầu nông sản từ địa phương; tăng cường kết nối, tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm tại các vùng sản xuất trọng điểm và tại các cửa khẩu chính với Trung Quốc.

Mặt khác, ngành Nông nghiệp sẽ không ngừng thúc đẩy các hoạt động mở cửa thị trường; cùng với đó là cung cấp thông tin cũng như các quy định về thị trường, về kiểm soát xuất nhập khẩu cho các địa

phương, doanh nghiệp. “Bên cạnh đó, ngành Nông nghiệp sẽ chuẩn bị nội dung làm việc song phương với cơ quan chức năng của các nước: Anh, Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Hàn Quốc và xây dựng Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đi châu Âu, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản...” - Thứ trưởng Phùng Đức Tiến cho biết thêm. Cơ hội và các khó khăn, thách thức đều đang ở phía trước. Sự vào cuộc quyết liệt của Bộ NN&PTNT và các cơ quan chức năng cũng như sự chủ động của cộng đồng doanh nghiệp trong việc giải quyết những vấn đề đặt ra từ thực tế sẽ tạo động lực cho thành công mới của xuất khẩu nông sản Việt Nam.

Hỗ trợ địa phương và DN xuất khẩu nông sản

Trong tháng 5, Bộ NN&PTNT tiếp tục cung cấp thông tin nhanh về giá cả, sản lượng và tình hình sản xuất, cung ứng các sản phẩm nông sản. Xây dựng kế hoạch khảo sát tình hình tiêu thụ, phát triển thị trường nông sản tại các địa phương, các cửa khẩu biên giới. Hỗ trợ các địa phương, ngành hàng tổ chức các sự kiện quảng bá nông sản (vải thiều, nhãn, sắn, ...), kêu gọi đầu tư. Bộ NN&PTNT cũng tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp tác song phương, đa phương, mở cửa thị trường. Chuẩn bị tổ chức đoàn giao thương, quảng bá chuỗi cung ứng trái cây, thủy sản tại Trung Quốc. Tập trung đàm phán, hoàn thiện các thủ tục (đánh giá rủi ro, kiểm tra...) để thúc đẩy xuất khẩu xoài, thịt gà sang Hàn Quốc; bưởi, chanh ta sang New Zealand; lông vũ, yến và sản phẩm từ yến, sữa và sản phẩm từ sữa sang Trung Quốc; mật ong sang EU; khảo sát vùng trồng bưởi, nhà máy chiếu xạ để thống nhất kế hoạch XK bưởi sang thị trường Mỹ...

Xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc vẫn âm ảm và nỗi lo nguy cơ rớt giá



Theo Tổng cục Hải quan, 4 tháng đầu năm, xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc chỉ đạt 626 triệu USD, giảm 28% so với cùng kỳ năm 2021. Qua trao đổi, ông Trần Ngọc Hiệp, Giám đốc Công ty TNHH Thanh long Hoàng Hậu cho biết: “Xuất khẩu trái cây sang Trung Quốc vẫn rất khó bởi dù hàng hóa đi đường biển vẫn phải kiểm dịch virus SAR-CoV-2 gắt gao. Cùng với đó, cước vận tải tăng, hãng tàu trì hoãn nhiều ngày ảnh hưởng lợi nhuận doanh nghiệp. Hiện, nhu cầu tiêu thụ thanh long của Trung Quốc giảm tới 60-70% vì chính sách Zero COVID. Do vậy, sản lượng thanh long có nhiều cũng không thể bán hết được”.

Ông Hiệp cho biết hiện giá thanh long đầu vụ ở Bình Thuận đang dao động 7.000 - 15.000 đồng/kg tùy thời điểm và chất lượng và có thể giảm sâu nếu tiếp tục gặp những yếu tố bất lợi từ phía thị trường Trung Quốc. Nói về triển vọng xuất khẩu rau quả quý II, ông Đặng Phúc Nguyên, Tổng thư ký Hiệp hội Rau quả

Việt Nam (Vinafruit) cho biết cho đến thời điểm này, chính sách Zero COVID của Trung Quốc vẫn chưa có gì thay đổi, quy trình kiểm soát COVID-19 trên bao bì, sản phẩm, thành container vẫn rất nghiêm ngặt. Do vậy, xuất khẩu rau quả sang thị trường này trong quý II sẽ tiếp tục ảm đạm.

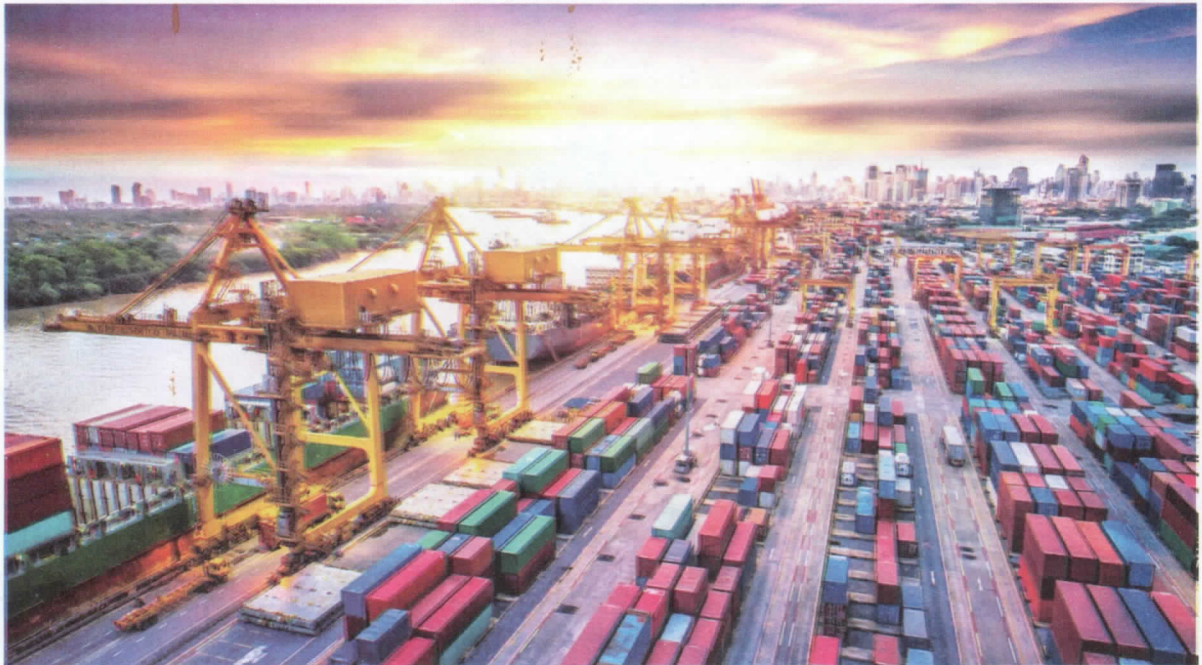
Đặc biệt, quý II là thời điểm thu hoạch rộ của nhiều loại trái cây như xoài, thanh long, chuối, nhãn, chôm chôm... Riêng các tỉnh Nam Bộ, sản lượng trái cây đã lên tới 1,5 triệu tấn. Đây cũng là điều ông Nguyễn lo lắng về tình trạng được mùa rớt giá sẽ tiếp diễn. “Tình hình tiêu thụ rau quả quý II khá căng khi xuất khẩu sang Trung Quốc vẫn vướng phải Zero COVID, các thị trường khác như Mỹ, EU tăng trưởng tích cực nhưng sản lượng nhập khẩu còn quá nhỏ so với tổng cung. Trong khi, sức tiêu thụ trong nước còn yếu, khó có thể cân hết sản lượng trái cây còn lại”, ông Nguyễn nói.

Ngoài ra, đại diện Vinafruit cho rằng cung vượt cầu, những loại trái cây có sản lượng lớn, chủ yếu xuất đi Trung Quốc như thanh long, chuối... có thể sẽ bị rớt giá, đặc biệt vào thời điểm chính vụ. Còn một số loại trái cây có sản lượng nhỏ, xuất khẩu đi Mỹ, EU như sầu riêng sẽ giữ được mức giá bình ổn vì các doanh nghiệp đã bao tiêu và thị trường tiêu thụ tăng nhập khẩu. Bà Ngô Tường Vy, Phó Tổng Giám đốc Công ty Chánh Thu cho biết giá các loại trái cây phụ thuộc vào các yếu tố như cung - cầu, chất lượng sản phẩm, thị hiếu tiêu dùng. “Với những mặt hàng như sầu riêng, doanh nghiệp đang bao tiêu cho nhiều vùng nguyên liệu với mức giá 40.000 đồng/kg. Mức này giúp nông dân lãi gấp đôi so với giá vốn bỏ ra là 18.000 - 20.000 đồng/kg.

Sản phẩm này có thể cấp đông và xuất khẩu đi Mỹ và nhiều nước khác. Nguyên liệu đạt chất lượng thường ít hơn so với nhu cầu nên giá thường ổn định”, bà Vy nói. Còn những sản phẩm như mít, thanh long, dưa khó chế biến, cung vượt cầu thì việc giá nông sản giảm mạnh là điều dễ hiểu. “Chưa bàn đến mức giá nào, cửa khẩu không đi được, doanh nghiệp không thể mua được hàng cho nông dân, nông dân vẫn là người chịu thiệt”, đại diện Chánh Thu nói.

Việt Nam vẫn đi sau Thái Lan về logistics

Thực tế, Trung Quốc đều là thị trường chính của trái cây Việt Nam và Thái Lan. Cả hai nước đều phải đối mặt với chính sách Zero COVID nhưng đại diện Vinafruit đánh giá Thái Lan đã có bước tiến tốt



hơn Việt Nam về logistics. Mới đây, Bộ trưởng Thương mại Thái Lan Jurin Laksanawisit công bố năm 2022 Thái Lan dự kiến xuất khẩu 530.000 tấn trái cây tươi sang Trung Quốc, chủ yếu theo đường biển, kết hợp với đường bộ và đường hàng không, theo The Nation Thailand. Cụ thể, Thái Lan sẽ tập trung vào xuất khẩu trái cây tươi sang Trung Quốc bằng đường biển vì 4 cửa khẩu trên biên giới của Trung Quốc là Mohan, Hữu Nghị Quan, Đông Hưng và Bằng Tường bị đóng cửa do tình hình COVID-19 do chính sách “Zero COVID”.

Theo đó, 390.000 tấn trái cây, tương đương 83% sản lượng sẽ được xuất khẩu bằng đường biển thông qua 5 hãng tàu Cosco, SITC, Yang Ming, Maersk và Wanhai đến 6 cảng Trung Quốc là Shekou (26,5%), Nansha (20%), Hong Kong (20%), Zhanjian (13,5%), Xinzhou (13,5%) và Xiamen (6,5%). Trong khi đó, 36.000 tấn, tương đương 6,5% sản lượng sẽ được xuất khẩu bằng đường hàng không thông qua Thai Airways International, Thai Lion Air, AirAsia X và China Southern Airlines đến 3 sân bay của Trung Quốc là Quảng Châu (80%), Thẩm Quyển (13%) và Côn Minh (7%). Còn lại 10,5% sản lượng sẽ được xuất khẩu bằng đường bộ qua 4 cửa khẩu. Nếu bất kỳ cửa khẩu nào bị đóng cửa, Bộ Ngoại giao cũng như các đại diện thương mại và nông nghiệp của Thái Lan có trách nhiệm đàm phán với Trung Quốc để mở lại cảng sớm càng tốt.

Ông Đặng Phúc Nguyên đánh giá Chính phủ Thái Lan khá quan tâm đến vấn đề logistics. “Nếu đường bộ có vấn đề, họ sẽ đi đường biển, tàu hỏa qua Lào, thậm chí nước này còn đầu tư chuyên cơ, một tháng có thể chở 30-50 chuyến trái cây sang Trung Quốc. Còn tại Việt Nam, trái cây xuất khẩu sang Trung Quốc chủ yếu theo đường bộ, cửa khẩu tắc là không xuất khẩu được”, ông Nguyên nói. Tại tọa đàm “Thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ nông sản tại các tỉnh, thành Nam Bộ”, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Lê Minh Hoan cho rằng cho biết chỉ cần nhìn vào cách ngành rau quả Thái Lan thích ứng với chính sách “Zero COVID” của Trung Quốc là biết nước này ít bị ảnh hưởng, theo báo Người Lao động. “Họ tìm cách đáp ứng được quy định để kiểm soát COVID-19 trong chuỗi sản xuất trái cây trong khi Việt Nam chỉ có thể hy vọng đàm phán để Trung Quốc nới lỏng quy định. Doanh nghiệp cần tổ chức lại sản xuất để thích ứng với những thay đổi của thị trường, đừng để khi cửa khẩu với Trung Quốc thông thì mọi việc lại quay về như cũ”, Bộ trưởng nói.

Xuất khẩu rau quả giảm mạnh ở Trung Quốc nhưng khởi sắc ở nhiều nước như Mỹ, Nhật, Hàn,...

Theo Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), trong tháng 3, giá trị xuất khẩu rau quả đạt 344 triệu USD, giảm 14% so với tháng 3/2021. Tính chung quý I, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt 849 triệu USD, giảm 12% so với cùng kỳ năm 2021 vì “tắc đường” sang Trung Quốc, thị trường lớn nhất của rau quả Việt Nam. Cụ thể, xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc chỉ đạt 455 triệu USD, giảm 25% so với cùng kỳ năm 2021, giảm 9,5 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021. Tình hình dịch bệnh gia tăng tại thị trường Trung Quốc và với chính sách chống dịch của Trung Quốc như hiện nay đã ảnh hưởng đến nguồn cung hàng rau quả của Việt Nam tới thị trường này.

Trong khi xuất khẩu hàng rau quả tới Trung Quốc giảm mạnh thì xuất khẩu sang các thị trường khác như Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia, Đài Loan tăng trưởng tốt trong quý I. Đáng chú ý, xuất khẩu hàng rau quả sang Mỹ đạt 62 triệu USD, tăng 68% so với cùng kỳ năm 2021. Với thu nhập cao, xu hướng ẩm thực ngày càng chú trọng thành phần rau, quả của người tiêu dùng Mỹ, cùng với đó hệ thống phân phối đa dạng, nhiều cấp, Mỹ được đánh giá là thị trường nhập khẩu tiềm năng với trái cây Việt Nam.

Mới đây, trong buổi làm việc với Đại sứ Mỹ Marc E. Knapper, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Lê Minh Hoan đề xuất phía Mỹ hỗ trợ Việt Nam xuất khẩu quả bưởi sang thị trường này. Nếu được chấp thuận, quả bưởi sẽ là loại trái cây thứ 7 của Việt Nam được xuất khẩu sang thị trường Mỹ. Trước đó, Mỹ đã cấp phép nhập khẩu 6 loại quả tươi từ Việt Nam, gồm: xoài, nhãn, vải, thanh long, chôm chôm và vú sữa. Một số loại trái cây khác như dưa, sầu riêng vẫn được xuất khẩu sang Mỹ nhưng dưới dạng sản phẩm đông lạnh.

Tăng cường năng lực xuất khẩu cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành hàng gia vị, rau, quả Việt Nam

Dự án “Tăng cường năng lực xuất khẩu cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành hàng gia vị, rau, quả Việt Nam” sẽ góp phần thực hiện hoá mục tiêu đưa xuất khẩu các sản phẩm nông lâm, thủy sản đạt hơn 50 tỷ USD vào năm 2025 và đưa nước ta trở thành nước xuất khẩu chất lượng cao trong khu vực ASEAN và trên thế giới. Đây là thông tin đưa ra tại Hội thảo Khởi động Dự án “Tăng cường năng lực xuất khẩu cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành hàng gia vị, rau, quả Việt Nam” được Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Oxfam tổ chức sáng nay (6/5), tại Hà Nội. Tại hội thảo, các đại biểu cho rằng, nước ta có nhiều lợi thế, tiềm năng về vị trí địa lý, đất đai, lao động và các điều kiện sinh thái để phát triển tốt một nền nông nghiệp sinh thái bền vững đa ngành, đa canh với nhiều loại nông sản xuất khẩu có giá trị kinh tế lớn. Trong đó, các loại rau quả, gia vị là những mặt hàng nông nghiệp được nhà nước quan tâm đầu tư phát triển, đẩy mạnh xuất khẩu, tiêu thụ.



Xuất khẩu rau quả là một hướng đi tốt cho các doanh nghiệp và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Những năm gần đây, nước ta đang nỗ lực đa dạng hóa thị trường xuất khẩu hàng rau quả sang các châu lục và trong năm vừa qua đã cho thấy sự chuyên dịch rõ nét tỷ trọng xuất khẩu hàng rau quả sang châu Âu và châu Mỹ tăng cao. Cụ thể trị giá xuất khẩu rau quả tới thị trường châu Âu có tốc độ tăng trưởng đạt 303 triệu USD trong năm 2021, tăng 17,4% so với năm 2020. Tuy nhiên, theo ông Hoàng Quang Phòng, Phó Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, mặt hàng rau quả của Việt Nam dù được đánh giá có lợi thế, song chưa tận dụng được hết các cơ hội. Vì thế thị phần tại các khu vực EU còn hết sức khiêm tốn, con số này chỉ chiếm dưới 1% nhu cầu thị trường châu Âu.

“Những tồn tại và điểm yếu của rau quả xuất khẩu có thể kể đến như cơ cấu giữa các mặt hàng chưa cân đối nên hiệu quả kinh tế chưa cao. Sản lượng và chất lượng sản phẩm chưa ổn định, rào cản về tiêu chuẩn kỹ thuật của rau quả và giá vị xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam đang gặp khó khăn trong việc tiếp cận thị trường châu Âu. Cùng với đó, các doanh nghiệp xuất khẩu còn thiếu thông tin và nguồn nhân lực để đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng. Các ngành rau quả và gia vị của Việt Nam thiếu các cơ chế hiệu quả để nâng cao năng lực toàn ngành và quảng bá cho các sản phẩm”, ông Hoàng Quang Phòng nêu rõ. Dự án “Tăng cường năng lực xuất khẩu cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành hàng gia vị, rau, quả Việt Nam” được triển khai nhằm tăng cường năng lực xuất khẩu vào thị trường Liên minh châu Âu (EU) cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong ngành hàng gia vị, rau, quả. Qua đó, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Dự án được triển khai trong 2 năm, từ năm nay đến hết năm sau (2023), trong đó EU hỗ trợ 80% kinh phí để triển khai và được thực hiện thông qua hỗ trợ kỹ thuật chuyên sâu cho doanh nghiệp, để đáp ứng các tiêu chuẩn được EU công nhận về an toàn thực phẩm, thực hành bền vững; hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường và tiếp cận các đối tác EU nhằm thúc đẩy các cơ hội xuất khẩu; tăng cường năng lực của ngành và danh tiếng của các sản phẩm nông nghiệp Việt Nam. Bà Vũ Thị Quỳnh Hoa, Giám đốc quốc gia Oxfam tại Việt Nam cho biết, với sự ủng hộ và hợp tác của các cơ quan quản lý nhà nước như Bộ Công Thương, Bộ NN&PTNT, các Hiệp hội doanh nghiệp các nước trong EU... quá trình triển khai dự án trong 2 năm nay sẽ góp phần vào mục tiêu xuất khẩu các sản phẩm nông lâm thủy sản đạt hơn 50 tỷ USD năm 2025, đưa Việt Nam trở thành nước xuất khẩu chất lượng cao trong khu vực ASEAN và trên thế giới. Từ đó củng cố địa vị vững chắc của Việt Nam trong chuỗi cung ứng về nông lâm thủy sản toàn cầu.

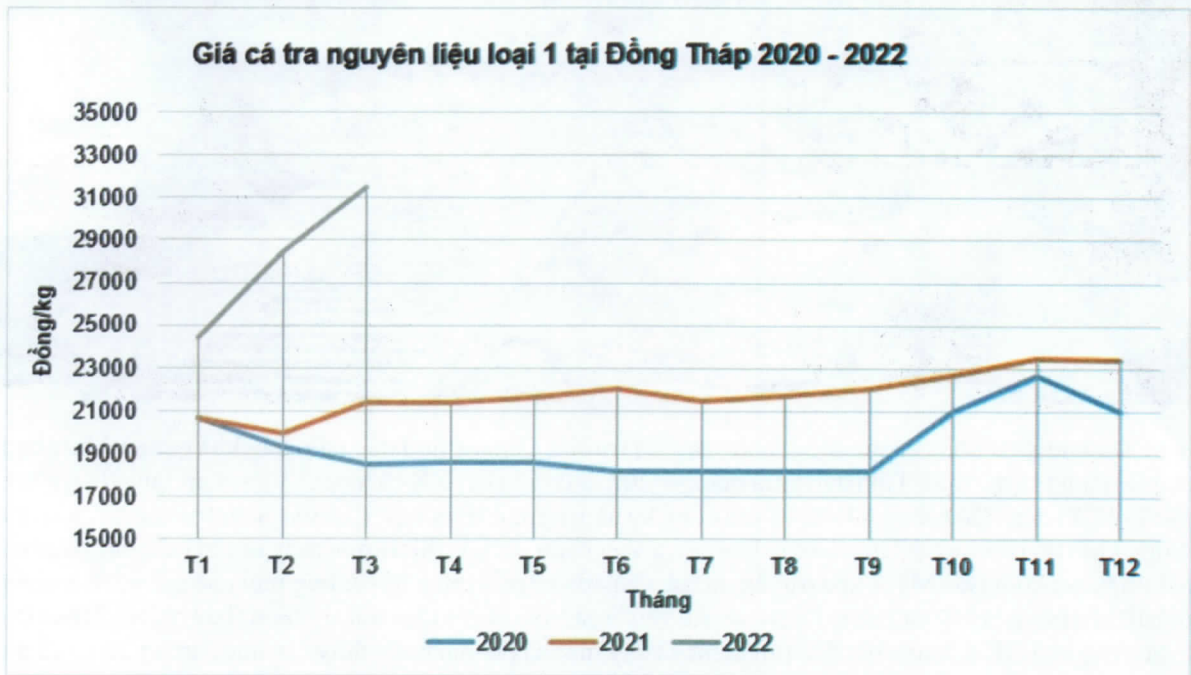
Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN THỦY SẢN

Giá cá tra xuất đi Mỹ lập đỉnh mới

Sau khi giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL lập đỉnh vào cuối quý 1/2022, giá trung bình XK sản phẩm cá tra phile đông lạnh sang hầu hết các thị trường cũng tăng mạnh. Thị trường cá tra thế giới đang có chiều hướng tốt, đơn hàng tăng nhưng cá nguyên liệu đang thiếu. Theo số liệu của Tổng cục Thủy sản (Bộ NN&PTNT), tính đến hết tháng 3/2022, diện tích thả nuôi mới cá tra chỉ bằng 94% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thu hoạch đạt 350 nghìn tấn tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước. Tại một số địa phương chủ lực sản xuất cá tra như Đồng Tháp, diện tích nuôi cá tra cũng chỉ đạt 94,6%; diện tích nuôi cá tra thâm canh của Vĩnh Long cũng giảm 22,9% so với cùng kỳ năm trước.

Dự báo, tình trạng khan hiếm nguyên liệu sẽ còn tiếp tục kéo dài cho tới ít nhất là hết quý 2/2022. Hiện nay, giá cá tra cỡ 0,7 - 0,8 kg/con dao động ở mức 31.000 - 32.500 đồng/kg; cỡ 1 - 1,2 kg/con dao động mức 32.000 - 34.500 đồng/kg. Như vậy, so với cùng kỳ, giá cá tra nguyên liệu đã tăng từ 8.000 - 10.000 đồng/kg so với cùng kỳ năm ngoái và tăng khoảng 20% so với cuối năm 2021.



Giá cá nguyên liệu tăng mạnh kéo giá cá tra phile đông lạnh XK trung bình cũng tăng lên mức từ 3,2 - 3,4 USD/kg. Trong đó, giá XK trung bình sang thị trường Mỹ cao nhất và tăng mạnh lên tới hơn 4,5 USD/kg. Đây là mức giá cao hơn cả mức đỉnh của năm 2019. Các lô hàng cá tra chế biến và được vận chuyển đi Mỹ trong thời gian này chủ yếu là phile cá tra đông lạnh cỡ lớn 7-9 oz; 8 - 10 oz và 10 - 12 oz. Trong khi cá thương phẩm đông lạnh cỡ 3 - 5 oz và 5 - 7 oz đang thiếu hụt.

Giá cá tra phile đông lạnh XK trung bình đi thị trường Trung Quốc cũng cao hơn hẳn so với năm ngoái, dao động từ 2,4 - 3,25 USD/kg (cùng kỳ năm ngoái ở mức 1,9 - 2,7 USD/kg). Ngoài ra, các DN Việt Nam cũng đang XK sản phẩm cá tra nguyên con/cắt xẻ bươm đông lạnh, bao từ cá tra đông lạnh, bong bóng cá tra khô, cá tra nguyên con bỏ nội tạng đông lạnh, da cá tra đông block đông lạnh... sang Trung Quốc. Giá phile cá đông lạnh XK đi EU cũng khả quan, dao động từ 2,9 - 3,45 USD/kg. Trong đó, giá XK đi thị trường Hà Lan, Đức, Bỉ, Tây Ban Nha cũng tăng và ổn định so với cùng kỳ năm 2021.

Giá cá tra nguyên liệu tăng trong thời gian qua giúp cho người nuôi có động lực thả nuôi trở lại, tuy nhiên chi phí thức ăn, con giống, nguyên vật tư đầu vào cũng tăng nhanh không kém giá cá bán. Do đó, cho tới nay, cả người nuôi và DN chưa lời cao. Bù lại, yếu tố thị trường đầu ra đang tích cực và nhiều khả quan

hơn trong các quý tới. Chiến sự tại Ukraine vẫn chưa tới hồi kết nên điều này cũng là yếu tố gây ảnh hưởng không nhỏ và khó định hướng thị trường nên cả DN và người nuôi cần thận trọng tính toán và cân đối giữa diện tích, sản lượng nuôi với biến động thị trường để tránh lặp lại khủng hoảng thừa như cách đây vài năm.

Xuất khẩu cá tra sang Canada dự báo tiếp tục khả quan



Dự báo xuất khẩu cá tra đông lạnh sang thị trường Canada nửa đầu năm nay khả quan và hứa hẹn đạt mức tăng trưởng mới. Tính đến giữa tháng 4/2022, tổng giá trị XK cá tra của Việt Nam sang thị trường này đạt 17,2 triệu USD, tăng 69,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Hiện nay, Canada là thị trường XK lớn thứ 2 trong khối thị trường CPTPP của các DN cá tra Việt Nam. Đây là thị trường thủy sản giá tốt, tăng trưởng ổn định trong khối Bắc Mỹ. Theo truyền thống, Canada có mối quan hệ thương mại gần gũi và thân thiết với hai thị trường là Mỹ và Trung Quốc và chủ yếu là các sản phẩm khai thác từ biển. Tuy nhiên, 3 năm trở lại đây, các nhà NK Canada bắt đầu tìm kiếm và đẩy mạnh NK mặt hàng thủy sản nuôi, trong đó có cá tra và cá rô phi.

Cho tới nay, Canada là thị trường XK thường xuyên của hơn 30 doanh nghiệp cá tra Việt Nam. Trong đó, 3 doanh nghiệp có giá trị XK lớn nhất sang thị trường này trong quý đầu năm 2022 là: Công ty CP Vĩnh Hoàn (Vinh Hoan Corp); Công ty CP Thủy sản NTFS (NTSF Seafoods) và Công ty CP Thủy sản Trường Giang (TG Fishery). Hai năm qua, XK cá tra Việt Nam sang Canada bị chững lại do ảnh hưởng của Covid-19. Nhưng quý đầu năm nay, XK cá tra Việt Nam sang thị trường này đã tăng mạnh trở lại. Giá XK trung bình cá tra phile đông lạnh ở mức tương đối tốt, dao động từ 3,15 - 3,35 USD/kg. So với các thị trường khác cùng khối CPTPP thì Canada NK sản phẩm khá đa dạng như: Cá tra phile đông lạnh, cá tra cắt miếng/khoanh/khúc đông lạnh, bong bóng cá tra sấy, cá tra nguyên con xê bươm, cá tra và sốt cari thái đỏ; cá tra sốt chanh ngọt tây; cá tra sốt tương gừng...

Hiện nay, cá tra Việt Nam vẫn đang phải cạnh tranh với nhiều sản phẩm cá thịt trắng khác tại Canada, trong đó nổi bật là sản phẩm cá tuyết cod và cá haddock, cá rô phi. Tuy nhiên, những năm gần đây, sản phẩm cá tra Việt Nam đang chiếm dần thị phần của các sản phẩm cá thịt trắng. Do vị trí địa lý gần nhau, mối quan hệ thương mại chặt chẽ, Mỹ vẫn là thị trường có ảnh hưởng lớn nhất với thương mại thủy sản của Canada. Do vậy, cả xuất khẩu và NK thủy sản của Canada dễ bị ảnh hưởng bởi những biến động của nền kinh tế Mỹ cũng như sự thay đổi nhu cầu tiêu dùng, chính sách thương mại thủy sản của Mỹ. Ít nhất trong

năm 2022, XK cá tra sang thị trường Mỹ dự báo nhiều lạc quan, xu hướng này cũng tương tự như XK sang Canada. Do đó, các DN cá tra Việt Nam cần tận dụng cơ hội này để đẩy mạnh hơn nữa XK sang Canada - thị trường NK thủy sản giá cao ở Bắc Mỹ.

Trung Quốc và Mỹ tiếp tục là trọng lực chính cho xuất khẩu thủy sản quý II/2022

Tháng 4/2022, XK thủy sản tiếp tục mang về trên 1 tỷ USD với mức tăng trưởng mạnh mẽ 41% so với cùng kỳ năm 2021. Theo đó, ước kết quả XK thủy sản 4 tháng đầu năm gần chạm mốc 3,6 tỷ USD, cao hơn 44,5% so với cùng kỳ năm trước. So với tháng 4/2021, XK cá tra tăng gấp hơn 2 lần với doanh thu 297 triệu USD. Nhờ đó, tính lũy kế 4 tháng đầu năm, ngành cá tra thu về nguồn ngoại tệ trên 950 triệu USD, tăng 94%. Trọng lực chính vẫn nằm ở 2 thị trường Trung Quốc và Mỹ, chiếm tỷ trọng lần lượt là 32% và 24,5%. Cả hai thị trường đều ghi nhận tăng trưởng 3 con số trong 4 tháng đầu năm nay: Trung Quốc tăng 161% đạt 306 triệu USD, Mỹ tăng 128% đạt hơn 232 triệu USD. XK tôm vẫn duy trì được tăng trưởng cao 35% trong tháng 4 đạt 406 triệu USD, đưa kim ngạch tôm 4 tháng đầu năm nay lên 1,36 tỷ USD, tăng 41,5% so với cùng kỳ năm 2021.



Tôm và cá tra Việt Nam đều tăng trưởng mạnh tại các thị trường nhờ nhu cầu cao và giá XK tốt. Sau 2 năm kiềm chế vì dịch Covid, nhu cầu tại các thị trường hồi phục và bùng phát mạnh, nguồn cung tại các thị trường không đủ đáp ứng, lạm phát giá gia tăng. Xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine càng làm cho nguồn cung thủy sản toàn cầu thêm bất ổn, nhất là các sản phẩm cá thịt trắng. Các DN thủy sản Việt Nam đã chớp được những cơ hội vàng để gia tăng XK và chốt được những hợp đồng giá cao hơn nhiều so với năm 2021. Tại thị trường Mỹ, XK tôm, cá tra và các mặt hàng chủ lực khác đều ghi nhận tăng trưởng cao vọt so với năm trước, nhất là mặt hàng cá tra. Sản lượng cá da trơn của Mỹ giảm, lạm phát cao, thuế CBPG giai đoạn POR17 có lợi cho nhiều DN cá tra, số DN cá tra được phép XK sang Mỹ tăng, giá XK cá tra trung bình sang Mỹ đạt đỉnh... Đó là 5 yếu tố chính khiến cho XK cá tra sang Mỹ 4 tháng đầu năm nay tăng đột phá. Tổng XK thủy sản sang Mỹ trong tháng 4 tăng khoảng 79% đạt trên 266 triệu USD. Tính đến hết tháng 4, XK thủy sản sang Mỹ thu về 842 triệu USD, tăng 74% so với cùng kỳ năm 2021.

Covid bùng phát mạnh và chính sách zero Covid của Trung Quốc khiến cho XK thủy sản sang thị trường này gặp nhiều ách tắc khi nhiều cảng NK bị đóng cửa và việc kiểm tra Covid trên hàng đông lạnh ngày càng khắt khe. Tuy nhiên, vì nhiều nhà máy tại Trung Quốc bị đóng cửa, sản xuất bị đình trệ, nên thị trường này cũng thiếu hụt nguồn cung thủy sản cho tiêu thụ nội địa và chế biến XK. Do vậy, nhu cầu NK thủy sản của Trung Quốc đang gia tăng thu hút nhiều hơn số DN Việt Nam XK sang đây bất chấp những thách thức trên. XK thủy sản sang Trung Quốc trong tháng 4 tăng gấp hơn 2 lần đạt 216 triệu USD. Lũy kế tới hết tháng 4/2022, XK thủy sản sang thị trường này ước đạt 578 triệu USD, tăng 94% so với cùng kỳ năm trước. Riêng mặt hàng cá tra chiếm 53% XK thủy sản sang thị trường này. XK sang EU, Nhật Bản, Hàn Quốc và nhiều thị trường khác đều ghi nhận tăng trưởng 2 con số trong 4 tháng đầu năm. Tuy nhiên, Mỹ và Trung Quốc sẽ tiếp tục chiếm trọng lực chính, quyết định tốc độ tăng trưởng của XK thủy sản Việt Nam trong những tháng tới. Dự báo XK thủy sản quý II sẽ đạt 2,8 – 3 tỷ USD, tăng khoảng 36-38% so với cùng kỳ năm 2021.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN CHĂN NUÔI

Giá heo hơi tăng nhẹ

Giá heo hơi nhìn chung biến động nhẹ trong vòng hơn 1 tháng qua. Cụ thể, giá heo hơi ngày 12/5 tại miền Bắc dao động trong khoảng 54.000 - 57.000 đồng/kg; tại miền Trung, Tây Nguyên dao động trong khoảng 54.000 - 58.000 đồng/kg và tại miền Nam dao động trong khoảng 54.000 - 60.000 đồng/kg. Các mức giá này tăng trong khoảng 1.000 - 2.000 đồng/kg so với đầu tháng 4/2022 tùy các địa phương.



Tham khảo giá heo tại các tỉnh phía Bắc

Địa phương	Giá ngày 31/3/2022 (đồng/kg)	Giá ngày 14/4/2022 (đồng/kg)	Giá ngày 28/4/2022 (đồng/kg)	Giá ngày 15/5/2022 (đồng/kg)
Bắc Giang	55.000	55.000	58.000	56.000
Yên Bái	53.000	53.000	53.000	54.000
Lào Cai	53.000	53.000	53.000	54.000
Hung Yên	57.000	54.000	58.000	57.000
Nam Định	52.000	54.000	54.000	54.000
Thái Nguyên	53.000	53.000	53.000	55.000
Phú Thọ	54.000	53.000	53.000	55.000
Thái Bình	53.000	55.000	56.000	56.000
Hà Nam	53.000	54.000	54.000	54.000
Vĩnh Phúc	56.000	56.000	54.000	54.000
Hà Nội	54.000	54.000	56.000	56.000
Ninh Bình	53.000	53.000	54.000	54.000
Tuyên Quang	55.000	55.000	55.000	55.000

Tham khảo giá heo hơi tại các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên

Địa phương	Giá ngày 31/3/2022 (đồng/kg)	Giá ngày 14/4/2022 (đồng/kg)	Giá ngày 28/4/2022 (đồng/kg)	Giá ngày 12/5/2022 (đồng/kg)
Thanh Hoá	54.000	54.000	56.000	55.000
Nghệ An	53.000	53.000	57.000	56.000
Hà Tĩnh	54.000	54.000	54.000	54.000
Quảng Bình	52.000	53.000	56.000	56.000
Quảng Trị	51.000	55.000	57.000	57.000
Thừa Thiên Huế	54.000	54.000	53.000	55.000
Quảng Nam	54.000	55.000	55.000	55.000
Quảng Ngãi	54.000	55.000	55.000	55.000
Bình Định	53.000	53.000	54.000	55.000
Khánh Hoà	54.000	56.000	56.000	56.000
Lâm Đồng	54.000	55.000	56.000	57.000
Đắk Lắk	53.000	53.000	54.000	56.000
Ninh Thuận	53.000	54.000	54.000	55.000
Bình Thuận	52.000	55.000	56.000	58.000

Tham khảo giá heo hơi tại các tỉnh phía Nam

Địa phương	Giá ngày 31/3/2022 (đồng/kg)	Giá ngày 14/4/2022 (đồng/kg)	Giá ngày 28/4/2022 (đồng/kg)	Giá ngày 12/5/2022 (đồng/kg)
Bình Phước	54.000	54.000	56.000	56.000
Đồng Nai	54.000	54.000	56.000	57.000
TP HCM	54.000	54.000	56.000	56.000
Bình Dương	54.000	54.000	56.000	56.000
Tây Ninh	54.000	54.000	55.000	56.000
Vũng Tàu	54.000	56.000	56.000	57.000
Long An	53.000	52.000	53.000	54.000
Đồng Tháp	52.000	55.000	56.000	57.000
An Giang	54.000	55.000	58.000	60.000

Vĩnh Long	53.000	56.000	55.000	56.000
Cần Thơ	53.000	55.000	55.000	55.000
Kiên Giang	54.000	54.000	54.000	56.000
Hậu Giang	55.000	55.000	56.000	57.000
Cà Mau	55.000	56.000	55.000	57.000
Tiền Giang	53.000	55.000	56.000	57.000
Bạc Liêu	53.000	56.000	56.000	57.000
Trà Vinh	54.000	55.000	56.000	56.000
Bến Tre	55.000	56.000	57.000	55.000
Sóc Trăng	55.000	56.000	55.000	57.000

Trong tháng 4/2022, giá heo hơi tại các vùng trên cả nước tăng do việc mở cửa trở lại các nhà hàng, trường học và nhà máy thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ thịt, trong khi nguồn cung giảm và giá thức ăn chăn nuôi tăng liên tục thời gian qua. Giá heo hơi miền Bắc tăng 1.000 đồng/kg, dao động trong khoảng 53.000 – 56.000 đồng/kg. Theo đó, hai tỉnh Ninh Bình và Thái Bình hiện giao dịch lần lượt với giá 54.000 đồng/kg và 56.000 đồng/kg. TP Hà Nội, Phú Thọ và Hưng Yên khoảng 55.000 – 56.000 đồng/kg. Hai tỉnh Hà Nam và Vĩnh Phúc giá heo hơi là 53.000 đồng/kg và 54.000 đồng/kg. Thị trường heo hơi khu vực miền Trung, Tây Nguyên tăng 1.000 đồng/kg, dao động trong khoảng 52.000 – 57.000 đồng/kg. Thừa Thiên Huế và Lâm Đồng hiện thu mua ở mức 53.000 đồng/kg và 56.000 đồng/kg. Giá heo hơi tại Bình Thuận 56.000 đồng/kg. Còn tại Quảng Bình, heo hơi được giao dịch với giá 53.000 đồng/kg.

Thị trường heo hơi miền Nam ghi nhận giá thu mua biến động tăng từ 1.000 đồng/kg đến 3.000 đồng/kg tại nhiều tỉnh thành. Giá heo hơi tại Đồng Nai, TPHCM, Vũng Tàu, Long An, An Giang, Vĩnh Long và Cà Mau trong khoảng 53.000 – 57.000 đồng/kg. Các tỉnh Tây Ninh, Hậu Giang, Tiền Giang, Trà Vinh và Bình Phước ở mức 56.000 đồng/kg. Giá heo hơi tại miền Nam dao động trong khoảng 53.000 – 57.000 đồng/kg. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo Việt Nam sẽ vươn lên vị trí thứ 2 châu Á về tiêu thụ thịt heo trong năm 2022. Theo đó, tiêu thụ thịt heo tại Việt Nam dự báo đạt 3,4 triệu tấn vào năm 2022, với tốc độ tăng trưởng hàng năm là 3,1% trong giai đoạn 2022-2030.

Tình hình thị trường thịt thế giới

Trong quý I/2022, giá heo nạc tại Chicago Hoa Kỳ có xu hướng tăng so với cuối năm 2021 do nhu cầu tăng trong bối cảnh nguồn cung thịt heo có xu hướng giảm. Tuy nhiên, giá heo giảm trở lại kể từ cuối tháng 3/2022 đến nay do nhu cầu của Trung Quốc giảm. Xu hướng giảm tiếp tục diễn ra trong nửa cuối tháng 4/2022. Ngày 28/4/2022, giá heo nạc tại Chicago, Hoa Kỳ giao tháng 5/2022 dao động ở mức 104 UScent/lb, giảm 8,3% so với cuối tháng 3/2022 và giảm 5,3% so với cùng kỳ năm 2021. Trong quý I/2022, xung đột vũ trang giữa Nga với U-crai-na đã làm trầm trọng hơn gián đoạn chuỗi cung ứng, dịch vụ vận tải và giá thức ăn chăn nuôi tăng mạnh, theo đó kéo chi phí sản xuất tăng cao hơn, ảnh hưởng tới hoạt động chăn nuôi heo tại nhiều quốc gia, cũng như lợi nhuận của nhà sản xuất. Giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi sẽ tiếp tục tăng và duy trì ở mức cao cho đến hết năm 2022.

Trong quý I/2022, sản lượng heo hơi và heo nái giống của Trung Quốc đều tăng so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, sản lượng heo hơi của Trung Quốc đạt 422,53 triệu con, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm 2021 (trong đó bao gồm 41,85 triệu con heo nái giống); sản lượng thịt heo, thịt bò, thịt cừu và gia

cầm của Trung Quốc đạt 23,95 triệu tấn, tăng 8,8%; trong đó sản lượng thịt heo đạt 15,61 triệu tấn, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2021. Nguồn cung của Trung Quốc tăng mạnh đã hạn chế nhu cầu với hàng nhập khẩu. Trong quý I/2022, Trung Quốc nhập khẩu 1,66 triệu tấn thịt (bao gồm cả nội tạng), trị giá 6,43 tỷ USD, giảm 36,5% về lượng và giảm 23,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Trung Quốc nhập khẩu 420 nghìn tấn thịt heo, trị giá 847,82 triệu USD, giảm 63,8% về lượng và giảm 73,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu nhập khẩu từ Tây Ban Nha, Bra-xin, Đan Mạch, Ca-na-da, Hà Lan, Pháp, Anh, Chi Lê... Đáng chú ý, nhập khẩu thịt heo từ các thị trường này đều sụt giảm so với cùng kỳ năm 2021.

Trong báo cáo mới nhất về triển vọng thị trường thịt heo, Ngân hàng Rabobank dự báo thương mại thịt heo toàn cầu sẽ sụt giảm trong năm 2022, trong khi nhu cầu tiêu dùng diễn biến trái chiều tại một số khu vực. Rabobank dự đoán các hộ chăn nuôi heo sẽ vẫn khó khăn trong năm 2022 khi chi phí thức ăn, năng lượng, giá vận chuyển, dịch bệnh và chi phí lao động sẽ tiếp tục tăng. Tăng trưởng sản xuất thịt heo cũng như thương mại thịt heo toàn cầu dự kiến sẽ chậm lại do giá thức ăn chăn nuôi tăng cao. Các nhà sản xuất sẽ tập trung vào chất lượng, hạn chế tăng đàn heo và dự kiến sẽ giảm ở các khu vực như Anh, Đức và các nước khu vực Đông Nam Á. Nhu cầu tiêu thụ thịt heo diễn biến trái chiều tại một số khu vực. Tại Hoa Kỳ và Hàn Quốc, tiêu thụ thịt heo dự báo vẫn tăng mạnh do các hạn chế để phòng chống đại dịch đã được dỡ bỏ. Trong khi tiêu thụ tại Trung Quốc, Nhật Bản và Mê-hi-cô giảm do các nước này vẫn đang thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp chống dịch Covid-19 và tăng trưởng kinh tế yếu hơn. Xuất khẩu thịt heo trong 6 tháng đầu năm 2022 có thể sẽ tiếp tục giảm vì các nước nhập khẩu vẫn thận trọng do kinh tế toàn cầu suy yếu và giá thịt heo tăng.



Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN LÚA GẠO

Tổng quan thị trường lúa gạo đến ngày 6/5: Giá gạo đồng loạt tăng tại Ấn Độ, Việt Nam và Thái Lan

Tuần qua, giá gạo xuất khẩu của Ấn Độ tăng, do nhu cầu từ châu Á và châu Phi tăng, trong khi nguồn cung giảm đã hỗ trợ giá gạo Việt Nam.

Tại Ấn Độ - nước xuất khẩu gạo hàng đầu, giá gạo 5% tằm tăng lên 363-367 USD/tấn, so với 361-365 USD/tấn cách đây 1 tuần, do đồng rupee tăng. Tại Thái Lan, giá gạo 5% tằm ở mức 435-445 USD/tấn, tăng so với 432-435 USD/tấn tuần trước đó. Đối với loại 5% tằm, giá gạo Việt Nam ở mức 420 USD/tấn, tăng so với 415 USD/tấn cách đây 1 tuần. Xuất khẩu gạo của Việt Nam 4 tháng đầu năm tăng 4,4% so với cùng kỳ năm ngoái lên 2,05 triệu tấn, trong khi kim ngạch xuất khẩu giảm 6% so với cùng kỳ năm



ngoài. Theo dự báo của Hiệp hội Lương thực Việt Nam, năm 2022, xuất khẩu gạo Việt Nam đạt khoảng 6-6,2 triệu tấn. Quý II-2022 là thời điểm thị trường gạo thế giới sẽ đẩy mạnh việc mua hàng và đây chính là cơ hội cho các doanh nghiệp xuất khẩu gạo Việt Nam.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, bên cạnh những tín hiệu tích cực về giá bán và lượng đơn hàng, xuất khẩu gạo của Việt Nam cũng đang đứng trước một số khó khăn do sự vươn lên của các đối thủ cạnh tranh. Do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu gạo cần tập trung cho các dòng sản phẩm chất lượng cao. Theo Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam Nguyễn Ngọc Nam, hiện loại gạo xuất khẩu của Việt Nam có giá vượt Thái Lan là gạo 5% tằm (gạo thường) nhưng giá trị xuất khẩu khá thấp so với chủng loại gạo thơm và khả năng duy trì mức giá cao hơn này có thể chỉ diễn ra trong ngắn hạn, chưa mang tính bền vững. Trong khi đó, các dòng gạo thơm của Việt Nam vẫn có giá thấp hơn gạo thơm Thái Lan. Các doanh nghiệp lúa gạo Việt Nam nên tập trung sản xuất các dòng sản phẩm gạo thơm, gạo cao cấp để xuất khẩu vào các thị trường khó tính vì dư địa tại các thị trường này là rất lớn. Cùng với đó, cần tập trung xây dựng thương hiệu bởi cùng chất lượng gạo nhưng loại có thương hiệu tốt có thể sẽ bán được với giá cao hơn từ 10 đến 20%.

Đà tăng bị hạn chế bởi nguồn cung dồi dào

Cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine đã đẩy giá lương thực thế giới lên mức cao kỷ lục trong khi các nguyên liệu đầu vào như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu... cũng thiết lập các mức cao mới. Tuy vậy, giá gạo mới chỉ nhích tăng nhẹ và vẫn thấp hơn đáng kể cùng kỳ năm ngoái. Nguồn cung dồi dào, tồn kho ở mức cao được cho là yếu tố chính đang ghìm đà tăng của giá gạo cho dù nhu cầu sử dụng mặt hàng này thay thế các loại ngũ cốc khác có xu hướng gia tăng. Tính đến cuối tháng 4, giá gạo 5% tằm của Thái Lan dao động ở mức 432- 435 USD/tấn, tăng 15 USD/tấn so với trước khi cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine diễn ra nhưng giảm 65 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá gạo 5% tằm của Việt Nam cũng tăng 15 USD/tấn so với cuối tháng 2 nhưng giảm 80 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái, đạt khoảng 415 USD/tấn. Riêng giá gạo 5% tằm của Ấn Độ giảm 9 USD/tấn so với cuối tháng 2 và giảm 25 USD/tấn so với cùng kỳ, xuống còn 361 - 365 USD/tấn. Trong báo cáo tháng 4 của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), cơ quan này dự báo sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2021-2022 đạt kỷ lục 513 triệu tấn (xay xát), giảm 1 triệu tấn so với dự báo trước đó nhưng tăng hơn 4,2 triệu tấn so với niên vụ 2020-2021. Trong khi đó, tiêu thụ gạo toàn cầu trong niên vụ 2021-2022 cũng được dự báo đạt mức kỷ lục 511,2 triệu tấn, tăng 0,1 triệu tấn so với dự báo trước đó và tăng hơn 7,7 triệu tấn so với niên vụ trước. Như vậy, tiêu thụ tăng mạnh nhưng nguồn cung gạo thế giới tiếp tục vượt nhu cầu khoảng 1,8 triệu tấn.

Các dự báo của USDA cho thấy sản lượng gạo tại các nước sản xuất lớn như Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan sẽ tăng đáng kể trong niên vụ 2021-2022. Sản lượng gạo của Ấn Độ dự kiến đạt 129 triệu tấn, tăng

4,6 triệu tấn so với niên vụ trước và là vụ mùa có khối lượng cao kỷ lục thứ sáu liên tiếp của nước này. Tương tự, sản lượng gạo của Trung Quốc trong niên vụ 2021-2022 được dự báo sẽ đạt mức cao nhất từ trước đến nay với 149 triệu tấn, tăng 0,7 triệu tấn so với niên vụ trước. Trung Quốc và Ấn Độ là hai quốc gia sản xuất gạo lớn nhất thế giới, chiếm hơn một nửa sản lượng gạo toàn cầu mỗi năm.

Sản lượng vụ mùa 2021-2022 của Thái Lan cũng được dự báo sẽ tăng hơn 4% lên mức 19,7 triệu tấn do sản xuất phục hồi sau 2 năm gặp khó khăn do hạn hán. Ngược lại, sản lượng gạo được dự báo sụt giảm ở Brazil, Colombia, Ai Cập, EU, Guyana, Indonesia, Iran, Iraq, Kazakhstan, Madagascar, Mali, Mexico, Nga, Sri Lanka, Thổ Nhĩ Kỳ, Mỹ, Uruguay và Việt Nam. Về tiêu thụ, USDA dự báo tiêu thụ gạo sẽ gia tăng tại nhiều quốc gia như Bangladesh, Brazil, Myanmar, Campuchia, Trung Quốc, Colombia, Bờ Biển Ngà, Cuba... Theo USDA, giá gạo của Ấn Độ hiện thấp hơn cả giá ngô và giá lúa mì. Đây là điều chưa bao giờ xảy ra và có thể tác động đến sự lựa chọn của người tiêu dùng tại các quốc gia tiêu thụ cả lúa mì và gạo, bởi giá gạo thấp sẽ khuyến khích người tiêu dùng chuyển sang sử dụng gạo.

Trong đó, khu vực châu Phi cận Sahara là khu vực khá nhạy cảm về giá cả và với lượng tiêu thụ tương đương nhau của cả hai loại ngũ cốc trên người tiêu dùng có thể chuyển sang sử dụng gạo có giá thấp hơn hoặc các loại gạo thay thế khác được sản xuất tại khu vực này. Bên cạnh đó, mặc dù gạo ít khi được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi do giá thường cao hơn và dinh dưỡng thấp hơn các loại ngũ cốc khác nhưng việc sử dụng một lượng nhỏ làm thức ăn chăn nuôi lại đang có xu hướng gia tăng tại các nước sản xuất lúa gạo lớn, đặc biệt là ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Thái Lan. Từ năm 2021 đến nay, Trung Quốc và Việt Nam đang nhập khẩu nhiều gạo tằm hơn để làm thức ăn chăn nuôi.

Việt Nam tụt xuống vị trí thứ 5 trong cuộc đua xuất khẩu gạo vào Trung Quốc

Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong quý I năm nay nhập khẩu gạo của Trung Quốc đạt 1,7 triệu tấn, trị giá 706 triệu USD, tăng 14,5% về lượng và tăng 2,5% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Trung Quốc tăng mạnh nhập khẩu gạo từ Pakistan, Ấn Độ và Thái Lan nhưng giảm nhập khẩu từ Việt Nam và Myanmar. Cụ thể, Trung Quốc đã nhập khẩu 131.229 tấn gạo từ Việt Nam và 228.415 tấn gạo từ Myanmar trong quý I năm nay, cùng giảm mạnh hơn 40% so với cùng kỳ năm ngoái. Với sự sụt giảm này Việt Nam đã tụt xuống vị trí thứ 5 trong cuộc đua xuất khẩu gạo vào Trung Quốc từ vị trí thứ 3 của cùng kỳ.

Các doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang Trung Quốc cho biết, thị trường này chủ yếu nhập khẩu gạo nếp và các loại gạo thơm ST21, ST24 từ Việt Nam trong năm ngoái. Tuy nhiên, sang đến đầu năm nay Trung Quốc bắt ngờ giảm nhập khẩu gạo nếp và tăng mạnh nhập khẩu các dòng gạo thơm. Được biết, lượng gạo nếp xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc trong quý I năm nay chỉ đạt khoảng 65.300 tấn, giảm mạnh 71,3% so với mức 227.200 tấn của quý I năm 2021. Trong khi đó, khối lượng gạo thơm (ST21, ST24, DT8...) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc lại tăng mạnh gấp 3,7 lần so với cùng kỳ lên mức 75.200 tấn.

Mặc dù vậy, các doanh nghiệp cũng lạc quan rằng nhu cầu nhập khẩu gạo nếp của Trung Quốc sẽ tăng trở lại trong thời gian tới bởi những năm gần đây diện tích trồng lúa nếp của Trung Quốc giảm và nước này thường nhập khẩu 700.000 - 800.000 tấn gạo nếp từ Việt Nam mỗi năm để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước. Trái ngược với sự sụt giảm của Việt Nam, nhập khẩu gạo của Trung Quốc từ Ấn Độ tăng mạnh gấp 3 lần cùng kỳ năm ngoái, lên mức 454.374 tấn. Ấn Độ hiện đang nổi lên là nhà cung cấp gạo hàng đầu cho Trung Quốc với khối lượng thấp hơn không đáng kể so với thị trường đứng đầu là Pakistan (466.617 tấn).

Ngoài ra, Trung Quốc cũng đẩy mạnh mua gạo từ Thái Lan với khối lượng đạt 248.529 tấn, tăng 77,1% so với quý I/2021. Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) mới đây đã nâng dự báo nhập khẩu gạo niên vụ 2021-2022 của Trung Quốc lên 5,2 triệu tấn, tăng 0,5 triệu tấn so với dự báo trước đó và là mức cao nhất kể từ niên vụ 2018-2019, chủ yếu do nhu cầu cao hơn đối với gạo tằm từ Ấn Độ. Trước đây, Trung Quốc thường nhập khẩu gạo từ Việt Nam, Myanmar, Pakistan và Thái Lan, nhưng nhập khẩu gạo từ Ấn Độ đã tăng vọt kể từ đầu năm 2021 sau khi các hạn chế đối với nhập khẩu gạo Non Basmati của Ấn Độ được dỡ bỏ. Cũng theo USDA, nhập khẩu gạo tằm của Trung Quốc đang tăng nhanh bởi giá mặt hàng này không cao và có thể được nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan với mức thuế chỉ 10%. Gạo tằm được Trung Quốc nhập khẩu nhằm thay thế cho ngô trong khẩu phần thức ăn chăn nuôi và được dùng để chế biến thực phẩm hay sản xuất rượu.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP

Tổng quan thị trường thức ăn chăn nuôi và dự báo

Trong tháng 4/2022, giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi trên thị trường thế giới tăng giảm không đồng nhất, tùy vào từng mặt hàng cụ thể. Tại thị trường trong nước, giá các chủng loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi tháng 4/2022 đã có xu hướng tăng so với tháng trước. Dự báo giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm có thể sẽ hạ nhiệt trong thời gian tới do nhu cầu nhập khẩu từ Trung Quốc giảm sẽ ép giá nguyên liệu trên thị trường thế giới đi xuống.



Thị trường thế giới

- Diễn biến cung cầu

+ Đậu tương

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) đã giảm dự báo lượng đậu tương tồn kho của Hoa Kỳ vào cuối niên vụ 2021/2022 xuống 260 triệu giạ, giảm 25 triệu giạ so với dự báo gần nhất. Xuất khẩu đậu tương của Hoa Kỳ trong niên vụ này được dự báo sẽ tăng nhẹ lên mức 2,115 tỷ giạ. Trong khi đó, dự báo nhu cầu sử dụng đậu tương để ép dầu của Hoa Kỳ được giữ nguyên tại mức 2,215 tỷ giạ. USDA điều chỉnh giảm nhẹ dự báo lượng tồn kho đậu tương toàn cầu vào cuối niên vụ 2021/2022 xuống mức 89,58 triệu tấn. Cũng theo dữ liệu của USDA, xuất khẩu dầu đậu tương và khô đậu tương của Brazil trong quý 1/2022 đã đạt mức cao nhất nhiều năm trở lại đây. Trong đó, lượng dầu đậu tương xuất khẩu của nước này trong 3 tháng đầu năm 2022 đạt 478.086 tấn – mức cao nhất kể từ quý 1/2008. Ấn Độ hiện là đối tác nhập khẩu dầu đậu tương lớn nhất của Brazil. Ấn Độ đang đối mặt tình trạng căng thẳng nguồn cung dầu thực vật khi xung đột Nga – Ukraine khiến nguồn cung dầu hướng dương từ khu vực Biển Đen bị đứt gãy.

+ Bắp

Trong báo cáo tháng 4/2022, USDA giữ nguyên dự báo lượng tồn kho bắp của Hoa Kỳ vào cuối niên vụ 2021/2022 đạt 1,440 tỷ giạ. Dự báo nhu cầu sử dụng bắp để sản xuất ethanol tại nước này được điều chỉnh tăng nhẹ từ 5,35 tỷ giạ lên 5,375 tỷ giạ. Dự báo lượng tồn kho bắp toàn cầu niên vụ 2021/2022 được USDA điều chỉnh tăng đáng kể lên mức 305,46 triệu tấn. Con số này cao hơn mức 300,97 triệu tấn trong báo cáo WASDE tháng 3/2022 và cao hơn con số 301 triệu tấn được thị trường dự báo.

Theo dữ liệu của Bộ Nông nghiệp Ukraine, nước này đã hoàn thành việc gieo cấy 13.600 ha bắp cho vụ xuân 2022. Con số này cao gấp nhiều lần so với mức 1.000 ha cùng kỳ năm trước. Tại Brazil, khối lượng

bấp vụ hè niên vụ 2021/2022 được bán ra tại vùng Trung Nam Brazil, tính đến ngày 1/4/2022 đạt 30,1% trong tổng số 24,7 triệu tấn sản lượng dự kiến thu hoạch được. Con số này thấp hơn đáng kể so với mức 44,2% của cùng kỳ năm trước và 36,9% của tỷ lệ trung bình 5 năm trở lại đây.

+ Lúa mì

Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), xung đột quân sự Nga – Ukraine đã gây ra sự đứt gãy nguồn cung lúa mì trên toàn cầu, buộc hàng loạt quốc gia phải tìm kiếm nguồn cung lúa mì hoặc các mặt hàng thay thế và đẩy giá lương thực trên toàn cầu tăng mạnh. Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Chương trình Lương thực Liên Hiệp Quốc (WFP) và Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã ra tuyên bố chung kêu gọi các nước cùng phối hợp để đảm bảo an ninh lương thực toàn cầu. Trong khi đó, Nga tiếp tục điều chỉnh tăng mạnh thuế suất thuế xuất khẩu lúa mì của nước này đối với các lô hàng xuất khẩu từ ngày 20 – 26/4 lên mức 110,70 USD/tấn, tăng 9% so với mức thuế suất gần nhất.

Dữ liệu của Chính phủ Trung Quốc cho thấy đã có 546.015 tấn lúa mì được bán ra thành công từ kho dự trữ Quốc gia nước này thông qua các phiên đấu giá, chiếm 98,41% tổng lượng lúa mì được chào bán. Chính phủ Trung Quốc cũng vừa phân bổ thêm 315 triệu USD cho việc cải thiện hoạt động canh tác lúa mì vụ Đông năm nay tại nước này. Động thái này diễn ra trong bối cảnh mưa lớn vào cuối năm ngoái đã trì hoãn quá trình gieo trồng lúa mì và điều kiện sinh trưởng cây trồng rơi xuống mức thấp kỷ lục tại nhiều nơi ở Trung Quốc.

- Diễn biến giá

Trong tháng 4/2022, giá các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi thế giới trên sàn giao dịch hàng hoá Chicago (CBOT) biến động tăng giảm không đồng nhất. Nửa đầu tháng 4/2022, giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi vẫn giữ ở mức cao nhờ nhiều thông tin hỗ trợ như dự báo lượng tồn kho đậu tương của Hoa Kỳ giảm mạnh và rủi ro đứt gãy nguồn cung ngũ cốc từ Argentina. Tuy nhiên, trong 2 tuần cuối tháng 4/2022, giá đậu tương và dầu đậu tương đều giảm do lo ngại việc Trung Quốc phong tỏa làm giảm nhu cầu từ nước nhập đậu tương hàng đầu thế giới.

Kết thúc phiên giao dịch 25/4, giá đậu tương Mỹ kỳ hạn tháng 7 giảm xuống 16,75-1/4 USD/bushel, thấp hơn mức trung bình 10 ngày; giá dầu đậu tương cũng giảm xuống 80,08 US cent/lb. Triển vọng nhu cầu yếu gây áp lực lên giá lúa mì mềm đỏ vụ đông, nhưng lo ngại thời tiết khô hạn tại đồng bằng miền Nam nước Mỹ đang gây thiệt hại cho sự phát triển của cây trồng hỗ trợ lúa mì đỏ cứng vụ đông. Cụ thể, giá lúa mì đỏ mềm vụ đông lúc đóng cửa giảm xuống 10,72-1/2 USD/bushel; lúa mì đỏ cứng vụ đông kỳ hạn tháng 7 tăng lên 11,54-1/2 USD/bushel. Ngược lại, giá ngô vẫn tăng do nhu cầu xuất khẩu mạnh và lo ngại việc trì hoãn gieo trồng tại Midwest của Mỹ. Theo đó, ngô kỳ hạn tháng 7 tăng lên 7,98 USD/bushel.

Thị trường trong nước

- Tình hình nhập khẩu

+ Kim ngạch nhập khẩu

Trong hai tuần đầu tháng 4/2022, kim ngạch nhập khẩu thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu đạt 199,5 triệu USD. Tính từ đầu tháng 1/2022 đến giữa tháng 4/2022, kim ngạch nhập khẩu thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu của cả nước đạt 1.240,1 tỉ USD. Trước đó, theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch nhập khẩu thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu về Việt Nam trong tháng 3/2022 tăng mạnh 49,6% so với tháng 2/2022, đạt 412,82 triệu USD, nhưng so với tháng 3/2021 thì giảm 21,7%. Tính chung cả quý I/2022 nhập khẩu nhóm hàng này đạt trên 1,04 tỉ USD, giảm 14% so với quý I/2021.

+ Thị trường nhập khẩu

Achentina luôn là thị trường hàng đầu cung cấp thức ăn chăn nuôi cho Việt Nam, chiếm 25,4% trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước, đạt gần 264,29 triệu USD, giảm mạnh 31,9% so với quý I/2021; trong đó riêng tháng 3/2022 đạt 97,4 triệu USD, tăng 29,6% so với tháng 2/2022 nhưng giảm mạnh 51,9% so với tháng 3/2021. Tiếp sau đó là thị trường Brazil chiếm tỷ trọng 20,2%, đạt trên 210,29 triệu USD, tăng mạnh 637,9%; riêng tháng 3/2022 nhập khẩu từ thị trường này đạt 90,34 triệu USD, tăng 99% so với tháng 2/2022 và tăng mạnh 418,8% so với tháng 3/2021. Tiếp đến thị trường Mỹ trong tháng 3/2022 tăng mạnh 54,8% so với tháng 2/2022 nhưng giảm mạnh 36% so với tháng 3/2021, đạt 62,16 triệu USD; cộng chung cả quý I/2022 nhập khẩu từ thị trường này giảm mạnh 46,8% so với quý I/2021; đạt 146,4 triệu USD, chiếm trên 14% trong tổng kim ngạch.

+ **Chủng loại nhập khẩu**

* **Bắp**

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, tháng 3/2022 đạt 515.815 tấn bắp, tương đương 173,35 triệu USD, giá trung bình 336 USD/tấn, tăng 1,7% về lượng, tăng 5,8% kim ngạch và giá tăng 4% so với tháng 2/2022; so với cùng tháng năm 2021 thì giảm mạnh 50,9% về lượng, giảm 40,2% về kim ngạch nhưng tăng 21,8% về giá. Tính chung quý I/2022 nhập khẩu bắp đạt gần 2,09 triệu tấn, trị giá 677,53 triệu USD, giá trung bình 324,6 USD/tấn, giảm 23,8% về lượng, nhưng tăng 0,9% kim ngạch và tăng 32,4% về giá so với cùng kỳ năm 2021.

* **Lúa mì**

Trong tháng 3/2022 cả nước nhập khẩu 480.827 tấn lúa mì, tương đương 176,18 triệu USD, giá trung bình 366,4 USD/tấn, tăng mạnh 94,3% về lượng, tăng 86,6% về kim ngạch nhưng giảm 4% về giá so với tháng 2/2022. So với tháng 3/2021 thì tăng cả về lượng, kim ngạch và giá, với mức tăng tương ứng 1,2%, 32% và 30,6%. Tính chung cả quý I/2022 lượng lúa mì nhập khẩu của cả nước đạt trên 1,06 triệu tấn, tương đương trên 384,19 triệu USD, giảm 12% về khối lượng, nhưng tăng 19,6% về kim ngạch so với quý I/2021, giá trung bình đạt 363,3 USD/tấn, tăng 36%.

* **Đậu tương**

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu đậu tương trong tháng 3/2022 đạt 152.200 tấn, tương đương 104,63 triệu USD, giá trung bình 687,4 USD/tấn, giảm 19% về lượng và giảm 11% kim ngạch; nhưng giá tăng 9,8% so với tháng 2/2022; so với cùng tháng năm 2021 thì giảm 9,5% về lượng, nhưng tăng 11% về kim ngạch và tăng 22,7% về giá. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022 cả nước nhập khẩu 524.408 tấn đậu tương, trị giá 334,34 triệu USD, giá trung bình 637,6 USD/tấn, giảm 0,7% về lượng nhưng tăng 17% kim ngạch và tăng 17,9% về giá so với cùng kỳ năm 2021.

- **Diễn biến giá**

Trong tháng 4/2022, giá các chủng loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi biến động tăng so với tháng trước do ảnh hưởng của thời tiết bất lợi từ các khu vực trồng chính trên thế giới tại các nước Nam Mỹ đồng thời cuộc khủng hoảng chính trị giữa Nga và Ukraine (nhà xuất khẩu lúa mì lớn nhất và thứ tư trên thế giới) đang tác động lớn đến giá bắp và lúa mì trên thị trường thế giới và Việt Nam.

Việt Nam nhập khẩu từ Nga và Ukraine nhiều nguyên liệu đầu vào cho sản xuất nông nghiệp trong nước như lúa mì (trong điều kiện bình thường có thể đến 1 triệu tấn, chiếm khoảng 20% tổng nhập khẩu lúa mì), bắp (3% tổng nhập khẩu bắp) để làm thức ăn chăn nuôi. Cụ thể như sau:

+ Giá khô đậu tương Nam Mỹ tại Vũng Tàu (hàng xá) là 16.300 đ/kg; tại Cái Lân (Quảng Ninh) là 16.550 đ/kg, tăng hơn 40% so với cùng kỳ năm trước.

Giá bắp Nam Mỹ nhập khẩu cũng tăng so với cuối tháng trước do giá thế giới tăng, đạt mức 10.400 đ/kg, tăng hơn 30% so với tháng 3/2021.

+ Giá cám gạo (cám khô, xơ dưới 7%, không trộn) trong tháng 4/2022 tăng so với tháng trước do nguồn cung hạn hẹp. Tại Đồng Tháp là 5.900 – 6.450 đ/kg; tại Kiên Giang là 6.500 đ/kg; tại Cần Thơ là 6.700 – 6.900 đ/kg, tăng từ 100 – 300 đ/kg.

+ Giá sản nguyên liệu khá ổn định trong tháng 4/2022. Giá sản nguyên liệu tại Tây Ninh là 5.550 – 6.350 đ/kg; tại Đắk Lắk là 5.500 – 6.100 đ/kg; tại Gia Lai là 5.200 – 5.800 đ/kg; tại một số tỉnh miền Bắc là 5.000 – 5.050 đ/kg.

Trong tháng 4/2022, giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm không biến động nhiều so với tháng trước. Trong đó, thức ăn đậm đặc dành cho heo con, có giá từ 15.400 – 16.150 đ/kg; Thức ăn đậm đặc Proconco loại cho gà thịt là 14.900 đ/kg; cám cho gà con là 12.050 – 14.550 đ/kg; cám cho gà thịt từ 10.050 – 13.800 đ/kg; cám cho gà đẻ là 10.100 - 13.500 đ/kg; thức ăn hỗn hợp Proconco loại cho heo từ 30 kg đến xuất chuồng là 12.050 – 14.250 đ/kg; cám cho heo nhỡ từ 15 kg - 30 kg có giá 11.200 – 14.100 đ/kg; cám cho heo từ 30 kg - xuất chuồng là 12.500 – 14.050 đ/kg.

- Dự báo: Giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm có thể sẽ hạ nhiệt trong thời gian tới do giá nguyên liệu trên thị trường thế giới giảm bởi nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc giảm mạnh do ảnh hưởng của dịch Covid-19 tái bùng phát.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**Brazil - thị trường nhiều tiềm năng cho hàng hóa Việt**

Brazil hiện nay là thị trường tiêu thụ lớn nhất khu vực Nam Mỹ với quy mô dân số lên đến 200 triệu người. Trung bình mỗi năm, Brazil nhập khẩu hơn 236 tỷ USD hàng hóa; trong đó có 30% hàng hóa đến từ khu vực Châu Á. Các mặt hàng xuất khẩu có thể mạnh của Việt Nam có thể thúc đẩy phát triển thị trường Brazil khi nhu cầu tiêu dùng rất cao và Brazil không phải là thị trường khó tính. Hiện Brazil là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam tại khu vực Nam Mỹ, ngược lại Việt Nam cũng là đối tác thương mại lớn nhất của Brazil tại Đông Nam Á. Tuy nhiên, quan hệ thương mại giữa 2 nước vẫn còn khiêm tốn, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này chỉ chiếm 1,4% nhu cầu nhập khẩu của Brazil.

Các mặt hàng thế mạnh của Việt Nam như da giày, quần áo chỉ đáp ứng khoảng 6% -7% nhu cầu tiêu thụ của Brazil. Vì vậy Brazil vẫn là thị trường giàu tiềm năng cho hàng hóa Việt Nam. Thời gian gần đây, nhiều mặt hàng của Việt Nam rất được người tiêu dùng Brazil quan tâm. Mặc dù vậy, thị phần hàng hóa Việt Nam tại thị trường này còn rất khiêm tốn, chỉ ở mức 1,5% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa mỗi năm của Brazil. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, 3 tháng đầu năm 2022, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Brazil đạt 1,7 tỷ USD, tăng 11,9% so với năm 2021. Trong đó, Việt Nam xuất khẩu sang Brazil đạt 533,2 triệu USD, tăng 3,5%; Việt Nam nhập khẩu từ Brazil đạt 1,175 tỷ USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2021.

Các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sang Brazil trong 3 tháng đầu năm 2022 tăng mạnh ở một số mặt hàng, như sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ đạt 242.4 nghìn USD, tăng 333%; sản phẩm mây, tre, cói và thảm đạt 609,79 nghìn USD, tăng 25,6; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 40,58 triệu USD, tăng 52,93%; hàng thủy sản đạt 32,16 triệu USD, tăng tới 73% so; cao su đạt 6,85 triệu, tăng 66,81%, điện thoại các loại và linh kiện đạt 191 triệu USD, tăng 39,54% so với cùng kỳ năm trước. Dự báo thời gian tới xuất khẩu các mặt hàng tiêu dùng sang Brazil tăng cao khi các biện pháp phong tỏa, giãn cách xã hội được gỡ bỏ toàn bộ và chiến dịch tiêm vắc xin được thực hiện trên toàn quốc với tốc độ nhanh với tỷ lệ phủ mũi tiêm vắc xin cao.

Thủy sản Việt Nam đứng trước cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường EU

Liên minh châu Âu (EU) luôn được biết đến là một trong những thị trường xuất khẩu thủy sản hàng đầu của Việt Nam. Đặc biệt, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) chính thức có hiệu lực đã tạo ra nhiều cơ hội cho xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào thị trường EU nhờ hàng loạt cam kết ưu đãi thuế quan. Theo EVFTA, có khoảng 220 số dòng thuế các sản phẩm thủy sản có thuế suất cơ sở từ 0-22%, số dòng thuế còn lại sẽ được cắt giảm về 0% theo lộ trình từ 3-7 năm, góp phần cho thủy sản Việt Nam tăng khả năng cạnh tranh về giá so với các sản phẩm cùng ngành ở các nước khác.

Sau chiến dịch tiêm phòng COVID-19 và gói kích thích kinh tế từ đầu năm 2021, nhu cầu thủy sản tại thị trường EU đã hồi phục rõ rệt, cùng với lợi thế thuế quan từ Hiệp định EVFTA là cơ hội thúc đẩy xuất khẩu hầu hết các sản phẩm thủy sản Việt Nam sang thị trường này. Trong 3 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 2,4 tỷ USD, tăng 40% so với năm 2021. Riêng thị trường EU sau 2 năm liên tiếp xuất khẩu giảm sút, 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu cá tra sang EU đạt 28 triệu USD, tăng gần 76%, tôm xuất khẩu đạt 159 triệu USD, tăng 66% so với cùng kỳ năm 2021. Trong số đó, xuất khẩu đơn lẻ sang 3 thị trường chính là Hà Lan, Đức, Bỉ tăng lần lượt là 77%, 59% và 82%.

Đáng lưu ý, nhu cầu nhập khẩu tôm vào EU thường tăng vào mùa hè và mùa thu. Chính vì vậy, các nhà nhập khẩu tại thị trường này đã chuẩn bị kỹ các đơn hàng từ thời điểm đầu năm. Trước đó, năm 2021, xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường EU đạt trên 1 tỷ USD (tăng 12%), trong đó, xuất khẩu sang hầu hết các nước thành viên EU đều tăng. Có thể nói, đây là một kết quả tích cực trong năm đầu tiên Việt Nam thực thi EVFTA, các doanh nghiệp đã tận dụng được tốt các điều kiện ưu đãi do hiệp định này mang lại. Con số này có thể cao hơn nữa nếu như quý III sản xuất thủy sản của Việt Nam không bị gián đoạn bởi đại dịch Covid-19.

5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam tại EU gồm Hà Lan, Đức, Bỉ, Italia và Pháp (tổng cộng chiếm 72%). Xuất khẩu tất cả các sản phẩm chính sang EU đều tăng trưởng dương (trừ cá tra). Đáng lưu ý, trong năm qua, xuất khẩu nhuyễn thể có vỏ sang thị trường EU tăng tới 37%, đạt 87 triệu USD, chủ yếu do xuất khẩu sản phẩm nghêu tăng 42% với 78 triệu USD. Nghêu trở thành loài thủy sản có giá trị xuất khẩu lớn thứ 4 sang thị trường EU. Trong đó, xuất khẩu nghêu sang 3 thị trường lớn nhất là Tây Ban Nha, Italia và Bồ Đào Nha đều tăng 38 - 44%.

Việt Nam tăng cường xúc tiến xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN

Tại “Phiên tư vấn xuất khẩu sản phẩm lúa gạo sang thị trường ASEAN” mới được tổ chức gần đây, Cục Xúc tiến thương mại đánh giá dư địa để tăng trưởng xuất khẩu của nhiều loại hàng hóa Việt Nam sang khu vực ASEAN còn rất lớn, trong đó có mặt hàng gạo. Những năm qua, gạo là mặt hàng nông sản chính của Việt Nam xuất khẩu sang ASEAN. Trong số các nước ASEAN, sản phẩm lúa gạo của Việt Nam được xuất khẩu chủ yếu sang Philippines. Năm 2021, Philippines là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam với lượng xuất khẩu đạt 2,45 triệu tấn, với kim ngạch trên 1,25 tỷ USD, giá trung bình 509,7 USD/tấn, tăng 10,7% về lượng, tăng 18,5% về kim ngạch và tăng 7,1% về giá so với năm 2020, chiếm 39,4% trong tổng lượng và chiếm 38% trong tổng kim ngạch xuất khẩu gạo của cả nước.

Ngoài Philippines, gạo Việt Nam còn được xuất khẩu sang các thị trường quan trọng khác trong ASEAN như Malaysia, Singapore, Indonesia, Brunei. Gạo xuất khẩu sang Philippines và Indonesia chủ yếu là gạo trắng phẩm cấp thường, độ tẩm từ 20-25%, cạnh tranh chủ yếu bằng giá. Về mặt chiến lược, ngành gạo của Việt Nam đang giảm dần sản xuất và xuất khẩu các loại gạo trắng thường nên không thể cạnh tranh về giá với các nước chuyên sản xuất gạo giá rẻ như Myanmar, Pakistan và Ấn Độ. Những năm về trước, lúa chất lượng cao chỉ chiếm từ 35 - 40% trong cơ cấu sản xuất lúa gạo thì đến năm 2020 con số này đã đạt từ 75 - 80%. Việc này đã đưa giá gạo xuất khẩu của Việt Nam tăng lên rất nhanh trong vài năm gần đây, đặc biệt là từ năm 2020.

Cơ cấu gạo xuất khẩu của Việt Nam đang tiếp tục chuyển dịch theo hướng gia tăng các loại gạo thơm, gạo đặc sản, gạo japonica, gạo trắng phẩm cấp cao với giá bán và giá trị gia tăng cao hơn. Mục tiêu xuất khẩu gạo của cả nước cũng đã được điều chỉnh, đến năm 2030, dự kiến chỉ còn khoảng 4 triệu tấn. Do đó, để nâng cao hiệu quả xuất khẩu gạo sang ASEAN, ngành gạo cần rà soát lại nhu cầu nhập khẩu của từng thị trường trong ASEAN, xác định những thị trường tiêu thụ gạo phẩm cấp thường với giá rẻ, thị trường tiêu thụ gạo cao cấp, gạo thơm... Bên cạnh đó, Việt Nam cần chú trọng các chính sách thương mại với các nước trong khu vực, tận dụng tối đa những lợi thế của các FTA giữa ASEAN với các đối tác trên thế giới. Tiếp tục cải thiện trình độ công nghệ nhằm gia tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa và chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, tăng cường thương mại dịch vụ và đầu tư, tăng lợi thế cạnh tranh của Việt Nam.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

GIAO THƯƠNG

Nhận cung cấp dừa sáp Trà Vinh

Doanh nghiệp thương mại hàng nông sản tại địa bàn miền Bắc nhận cung cấp dừa sáp chuẩn Trà Vinh với số lượng lớn. Sản phẩm được doanh nghiệp thu mua trực tiếp từ tỉnh Trà Vinh và phân phối tại các thành phố lớn như Hà Nội và Hồ Chí Minh.

+ *Thông tin sản phẩm:*

Dừa Sáp (tên khoa học là Makapuno hay Macapuno)

Dừa sáp được biết đến là loại trái cây đặc sản nổi tiếng Trà Vinh. Đặc điểm dừa sáp là cùi rất dày, ngoài lớp cơm dừa như các loại dừa thường khác ra thì dừa sáp còn có thêm một lớp sáp, lớp sáp này chính là lớp cơm dừa chảy ra hút lấy nước dừa tạo nên vị đặc trưng. Dừa sáp chỉ có duy nhất ở vùng đất Trà Vinh. Trong đó, ngon nhất và đúng chất nhất là ở huyện Cầu Kè.

+ *Thông tin liên hệ:*

Nông sản Dũng Hà

Cơ sở chính: số 683 đường Giải Phóng,

Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Chi nhánh 1: A11, Ngõ 100, Đường Trung Kính, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Chi nhánh 2: số 79 Hồng Mai - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Chi nhánh 3: Số 02/B - Khu phố 3 - Đường Trung Mỹ Tây 13 – Q. 12 - TP. HCM

Website: <https://nongsandungha.com>

Nhận cung ứng gạo lứt chất lượng cao

Doanh nghiệp giống cây trồng có trụ sở tại Hà Nội nhận cung ứng gạo lứt có tiêu chuẩn chất lượng cao.

+ *Thông tin sản phẩm:*

Tên Sản Phẩm: Gạo đen Phúc Thọ

- Xuất Xứ: Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam (Vinaseed)

- Quy cách đóng gói: Túi hút chân không (1kg)

- Màu sắc: Màu đen ánh tím

- Độ dẻo: Dẻo vừa

- Dinh dưỡng: Giàu dưỡng chất

- Đặc điểm: Gạo lứt tím có lớp vỏ ngoài màu đen ánh tím. Cơm khá dẻo, vừa hơi giòn giòn

+ *Thông tin liên hệ:*

Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam (Vinaseed)

Hotline: 0911.791.424

Địa chỉ: Số 28 Lương Định Của, Q.Đống Đa, Hà Nội

Fanpage: facebook.com/vinaseed

Website: vinaseed.com.vn

Youtube: youtube.com/vinaseed

Tìm đối tác thu mua bột cá, bột tôm

Cơ sở chuyên cung cấp các sản phẩm để chế biến thức ăn gia súc tại địa bàn miền Nam cần tìm đối tác thu mua các mặt hàng như bột cá, bột tôm, bột ghe, dầu cá... với mức giá cả cạnh tranh nhất trên thị trường.

+ *Yêu cầu*

Số lượng đơn hàng tối thiểu: 20 tấn áp dụng cho khu vực miền Bắc, 10 tấn áp dụng cho khu vực miền Nam.



+ *Thông tin liên hệ:*

Người liên hệ: Nguyễn Thị Diễm Thúy
Địa chỉ: số 668/19 Lê Đức Thọ, Q. Gò Vấp, TP.HCM
Điện thoại: 0938561676
Email: thuynghuyenqtkd@yahoo.com

Cần thu mua các loại trái cây

Doanh nghiệp thương mại nông sản tại TP.HCM có nhu cầu mua số lượng lớn các trái cây như măng cầu xiêm tươi, chanh tươi không hạt, thanh long tươi ruột đỏ và trắng.

Thông tin liên hệ:

Công ty TNHH XNK Thế Giới Xanh
Địa chỉ: số 177 Trường Chinh, Q. Tân Bình, TP.HCM
ĐT: 0918 000 310; 0988 357 470 (Phòng thu mua)

Cần mua số lượng lớn dưa leo

Doanh nghiệp hoạt động nhiều năm trong ngành rau củ quả đóng hộp đang có nhu cầu tìm thêm nguồn cung cấp dưa leo với số lượng lớn.

+ *Yêu cầu*

Khả năng cung cấp từ 80-100 tấn/tháng
Đường kính trái: 2,5-4 cm

+ *Thông tin liên hệ:*

Doanh nghiệp hay cá nhân nào có nguồn hàng cần cung cấp xin vui lòng liên hệ qua số điện thoại: 0989551636 (gặp Hiếu)

Nhận cung cấp mè các loại với số lượng lớn

Doanh nghiệp kinh doanh hàng nông sản tại Gia Lai nhận cung cấp các loại mè đen và mè trắng với số lượng lớn.

Khả năng cung cấp của doanh nghiệp từ vài tấn đến vài trăm tấn/tháng.

+ *Thông tin liên hệ:*

Công ty TNHH Jewel Garden
Địa chỉ: số 943 Hùng Vương, Chư Sê, Gia Lai
Người liên hệ: Nam
Hotline: 091 345 3486
Email: jewलगarden68@gmail.com

Nhận cung cấp các sản phẩm hữu cơ

Doanh nghiệp chuyên về mảng hữu cơ chứng nhận Vietgap & Organic nhận cung ứng các mặt hàng hữu cơ như sau:

- + Rau củ quả hữu cơ
- + Thủy hải sản
- + Gạo hữu cơ
- + Phân bón hữu cơ
- + Trái cây sạch
- + Rượu vang quả PHÚC BỒN TỬ
- + Các loại chất tẩy rửa sinh học (nước rửa rau quả, nước rửa tay, nước rửa chén...).
- + Nhận trồng gia công rau củ quả cho các doanh nghiệp với hình thức hữu cơ.

Hiện doanh nghiệp cũng đang cần tìm đối tác hợp tác kinh doanh (nhà hàng, siêu thị, đại lý phân phối nông sản...).

+ *Thông tin liên hệ:*

Người liên hệ: Phong
ĐT: 0982500383
Email: thaiphong0383@gmail.com

Cần tìm nguồn cung nước thanh long nguyên chất

Một công ty kinh doanh thương mại Hàn Quốc đang có nhu cầu nhập khẩu thanh long nguyên chất đông lạnh (ruột đỏ).

+ Yêu cầu:

Số lượng: 1 container 20ft;

Đóng gói: 100kg/thùng drum;

Đóng gói vô trùng;

Bảo giá: FOB cảng gần nơi cung cấp nhất

Khách hàng muốn nhận được 10 kg sản phẩm mẫu để kiểm tra chất lượng trước khi đặt hàng chính thức.

+ Thông tin liên hệ:

Các công ty hay doanh nghiệp trong nước có các nguồn hàng trên cần cung cấp xin vui lòng liên hệ qua công ty Vietgo ở Việt Nam theo địa chỉ:

Công Ty TNHH VietGo

Số 40 Cát Linh, Q. Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 32373426

Nhận cung cấp các loại giống cây trồng cho nhà vườn

Trại giống cây trồng Ba Bình nhận cung cấp các loại giống cây trồng chất lượng cao cho nhà vườn.

+ Thông tin sản phẩm

- Cây giống được sản xuất từ nguồn cây đầu dòng có chứng nhận của cơ quan chức năng.

- Được Sở Nông nghiệp & PTNT Bến Tre chứng nhận.

- Vườn ươm đạt tiêu chuẩn sản xuất giống Cây Đặc Sản theo tiêu chuẩn của ngân hàng Châu Á và Bộ Nông nghiệp & PTNT Việt Nam với các chủng loại cây: Sầu riêng Ri6; mít Thái siêu sớm, mít nghệ cao sản; Bưởi da xanh; Cam sành, quýt đường; Chanh không hạt; Dừa xiêm lùn, xiêm lục, xiêm dứa...; Ca cao; Xoài cát Hòa lộc, Xoài Thái Lan, Đài Loan, Tứ quý; Chôm chôm Java, chôm chôm Thái; Nhãn Thạch Kiệt (giống mới không bị chồi rồng, đầu lân); Ổi Đài Loan, ổi không hạt; Vú sữa lò rèn, vú sữa bơ hồng; Mãng cụt; Bơ sáp da xanh; Khế ngọt, me ngọt, dâu xanh....

+ Thông tin liên hệ:

Trại giống cây trồng Ba Bình

Địa chỉ: Ấp Bình An B, H. Chợ Lách, Tỉnh Bến Tre

ĐT:075 3 871 358; DD: 0918 036 767 (Ba Bình)

Email: aygiongbabinh@gmail.com

Website: ww.caygiongholach.com

Cần bán dừa xiêm xanh

Doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp tại địa bàn phía Nam nhận cung cấp dừa xiêm xanh với số lượng lớn.

+ Thông tin sản phẩm:

Dừa xiêm xanh

- Vỏ mỏng, màu xanh, nước dừa có vị ngọt thanh (7-7,5% đường), rất mát.

- Trái dừa Xiêm cho khoảng 250ml đến 350ml nước.

- Dừa dễ gọt vỏ, xơ trắng.

- Khối lượng trái từ 1,3-1,8kg

+ Thông tin liên hệ:

HTX Dừa xiêm Thanh Tâm

Địa chỉ: Số 192, ấp Phước Bình, H. Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Người liên hệ: Tâm

Điện thoại: 0914.477.144



Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN CẢNH GIÁC

Giá trái cây giảm gây khó khăn cho các nhà vườn

Vụ mùa trái cây tại Đồng bằng sông Cửu Long đang diễn biến thuận lợi khi sản lượng các loại trái ổn định. Tuy nhiên, các nhà vườn lại gặp nhiều khó khăn do trái cây đang vào chính vụ thu hoạch, nguồn cung ra thị trường tăng trong khi giá cả lại có xu hướng giảm. Theo số liệu của Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tại Đồng bằng sông Cửu Long có khoảng 1,2 triệu tấn trái cây cần tiêu thụ trong quý 2 này, trong đó tập trung chủ yếu ở Nam Bộ. Trái cây nghịch vụ cũng chiếm tới hơn 50% sản lượng, tuy nhiên hầu hết đều đang có dấu hiệu lặt lại điệp khúc "được mùa, mất giá".



Cụ thể như thời điểm này mọi năm, giá bơ là 25.000 đồng/kg, nay chỉ còn 18.000 -

20.000 đồng/kg. Thanh long ruột đỏ tại Tiền Giang giảm còn 14.000 đồng/kg, thanh long ruột trắng giảm còn 9.000 đồng/kg, dưa hấu giảm còn 7.000 đồng/kg, xoài giảm còn từ 2.000 - 6.000 đồng/kg tùy loại. Giá mít, thanh long cũng thấp hơn nhiều so với các năm trước đây. Vừa trái cây lớn nhất là Tiền Giang hiện có sản lượng khoảng 992.000 tấn, tương đương 60% sản lượng cả nước. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh cho biết hiện một số loại trái cây đang gặp khó trong tiêu thụ như thanh long, xoài, mít, thom...

Hiệp hội chế biến rau quả Việt Nam cho hay, quý 2 là thời điểm 8 loại cây ăn quả chính tại Nam Bộ sẽ được thu hoạch bao gồm: thanh long, chuối, xoài, mít, bưởi, cam, dưa, sầu riêng. Trong đó, riêng Đồng bằng sông Cửu Long là hơn 940.000 tấn, nhưng thị trường tiếp tục suy giảm trong tuần cuối tháng 4 đến đầu tháng 5. Ngoài việc nguồn cung tăng cao, giá giảm, còn do Trung Quốc - thị trường nhập khẩu trái cây chính của Việt Nam, vẫn tiếp tục thực hiện chính sách Zero COVID-19 khiến việc xuất khẩu vào thị trường chủ lực này gặp nhiều khó khăn. Trong tháng 3, tháng 4 sản lượng xuất khẩu rau củ quả đều giảm 18% so với năm 2021 vì 2 tháng qua Trung Quốc đóng một số cửa khẩu. Đây là điều rất bất lợi bởi thời điểm này đang vào mùa trái cây của nhiều tỉnh Nam bộ như chôm chôm, măng cụt, sầu riêng, xoài...

Mặt khác, chiến sự Nga và Ukraine vẫn đang tiếp diễn khiến chi phí vận chuyển tăng cao, do phải thay đổi lộ trình hoặc tuyến vận chuyển qua nhiều khâu trung chuyển hơn. Giá trị xuất khẩu rau quả Việt Nam 4 tháng đầu năm nay đạt hơn 1,1 tỷ USD, giảm hơn 15% so với cùng kỳ. Trung Quốc vẫn là thị trường lớn nhất chiếm hơn 53% thị phần, tiếp theo là Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản. Theo Tổng cục Hải quan, hiện tốc độ thông quan tại các cửa khẩu của tỉnh Lạng Sơn là khoảng 140 xe một ngày. Lạng Sơn vẫn còn khoảng gần 700 xe đang chờ xuất khẩu, trong đó riêng hoa quả là 461 xe. Nếu tình hình xuất khẩu trái cây tươi không được cải thiện và còn chạy quanh lo tiêu thụ chợ nội địa, giá cả chưa ai đoán trước sẽ ra sao.

Để tháo gỡ những khó khăn về đầu ra, trước mắt Cục Trồng trọt khuyến cáo các địa phương cần hỗ trợ thúc đẩy liên kết sản xuất gắn với đầu ra của sản phẩm, phải liên kết để nhà doanh nghiệp thiết kế vùng sản xuất hiện đại theo kỹ thuật chuyên môn, nông sản có giá trị cao mới có đầu ra ổn định. Cụ thể, các địa phương cần tích cực kết nối với đầu mối phân phối ở TP Hồ Chí Minh và Hà Nội nhằm đẩy mạnh tiêu thụ nội địa. Thị trường nội địa với 100 triệu dân cũng là mảng thị trường quan trọng để tiêu thụ nông sản trong giai đoạn khó khăn. Mặt khác, các địa phương cũng liên kết với các doanh nghiệp tạo vùng nguyên liệu tại chỗ, vừa xuất khẩu các sản phẩm tươi, vừa chế biến chuyên sâu. Đây được coi là hướng đi lâu dài.

Ngoài ra, để ngăn chặn đà sụt giảm kim ngạch xuất khẩu trái cây, các vùng sản xuất cây ăn quả trên cả nước cần tích cực hỗ trợ để đưa trái cây đi các thị trường xa hơn. Đơn cử như trường hợp tỉnh Bắc Giang đang phối hợp cùng thương vụ Việt Nam tại Mỹ và các doanh nghiệp để quảng bá vải thiều Việt Nam tại thị trường này. Các loại trái cây khác như thanh long, sầu riêng, chuối Laba... cũng đang tích cực chinh phục thị trường Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc, Malaysia... góp phần san sẻ sự lệ thuộc vào thị trường Trung Quốc.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN AN TOÀN THỰC PHẨM

Nguy cơ gây hại cho sức khỏe khi sử dụng thịt đông lạnh không đúng cách

Thịt đông lạnh là món ăn phổ biến trong tủ bếp của các hộ gia đình tại Việt Nam ngày nay do đặc tính tiện dụng khi sử dụng. Tuy nhiên, các chuyên gia dinh dưỡng cảnh báo việc sử dụng hoặc bảo quản loại thịt này không đúng cách có thể gây hại cho sức khỏe. Thịt đông lạnh được bảo quản nhờ tính năng trữ đông của tủ lạnh. Tính năng này giúp ích rất nhiều trong việc bảo quản thực phẩm tươi sống trong thời gian dài mà không lo ôi thiu. Mặc dù vậy, không phải loại thực phẩm nào cũng để trong tủ lạnh hoặc bảo quản quá lâu. Nếu sử dụng tủ lạnh không đúng cách sẽ gây nguy hiểm đối với sức khỏe con người, thậm chí có thể gây tử vong. Mặc dù nhiệt độ cấp đông có thể bảo quản thịt lâu, nhưng thịt sẽ có một số thay đổi trong quá trình này.



Cụ thể, Myoglobin - một loại protein trong thịt sẽ phản ứng với oxy, khiến màu thịt sẫm dần theo thời gian. Trong quá trình bảo quản đông lạnh, sự gia tăng của các tinh thể nước đá sẽ khiến tế bào cơ của thịt bị vỡ ra, làm thịt biến chất, trữ đông càng lâu thịt càng khô, ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng thịt. Dù chế biến theo cách gì thịt cũng không mềm, không tươi ngon như thịt tươi. Nếu để thịt trong tủ lạnh lâu thì chất đạm và chất béo của thịt sẽ bị oxy hóa dần, dễ bị biến chất, màu sắc cũng thay đổi, thậm chí còn dễ chuyển sang màu nâu và làm gia tăng tốc độ lão hóa cơ thể, ảnh hưởng đến sức khỏe. Khi quyết định trữ đông thịt, thịt cần phải giữ trong môi trường có nhiệt độ cố định dưới -6 độ C. Thịt trữ đông sẵn trong siêu thị về cơ bản đáp ứng yêu cầu điều kiện trữ đông.

Tuy nhiên, thịt mua ngoài chợ rất dễ bị nhiễm khuẩn trong quá trình mua bán, khó đảm bảo độ tươi ngon. Việc đóng mở ngăn đông thường xuyên cũng khiến cho hạn sử dụng thịt đông lạnh bị rút ngắn. Do đó, người dùng hãy cố gắng mua và ăn thịt càng sớm càng tốt, thời gian bảo quản càng ngắn thì hương vị càng ngon. Bên cạnh đó, người tiêu dùng cần chú ý tới tần suất rã đông. Vi khuẩn sẽ sinh sôi sau khi rã đông thịt và tiếp tục phát triển nhanh sau nhiều lần rã đông. Thành phần dinh dưỡng của thịt sẽ bị ảnh hưởng, đồng thời sinh ra các chất độc hại.

Nếu không chú ý mà ăn phải thịt hỏng do trữ lâu trong tủ lạnh, bạn có thể bị khó tiêu, buồn nôn, nôn và đau dạ dày. Ăn thịt hỏng có thể gây hại cho hệ tiêu hóa, dẫn đến các bệnh về đường tiêu hóa như viêm dạ dày, viêm ruột. Để bảo quản thịt đông lạnh đúng cách, các chuyên gia dinh dưỡng khuyến nghị người tiêu dùng thực hành các bước sau:

Chia thịt thành từng phần nhỏ

Thịt rất dễ bị hỏng nếu rã đông nhiều lần. Vì vậy, để thịt bảo quản lâu nên cắt thành từng phần nhỏ và cho vào ngăn đá tủ lạnh. Nếu là thịt tươi mua từ siêu thị đã được bảo quản ở nhiệt độ 0 – 4 độ C thì không nên sử dụng phương pháp này để cấp đông, thay vào đó nên chia ra tiêu thụ trong vòng 3 ngày.

Ngoài thịt heo, thịt bò, thịt cừu thông thường, các loại hải sản sống như cá, tôm, cua cũng rất dễ bị nhiễm vi khuẩn listeria, cần đóng gói kín, hút chân không, để ngăn riêng trong tủ lạnh.

Không nên rửa thịt

Thịt có rất nhiều vi khuẩn, khi rửa rất dễ làm văng nước đầy vi khuẩn lên các bề mặt khác trong bếp. Nếu cảm thấy thịt bẩn, hãy chần thịt qua nước nóng rồi thái nhỏ.

Lựa chọn kỹ khi mua thịt đông lạnh

Để phòng ngừa nguy cơ ngộ độc thực phẩm, ngoài việc lựa chọn thực phẩm an toàn cần chế biến, bảo quản đúng cách, người tiêu dùng cũng cần lưu ý đến khâu lựa chọn khi mua thịt đông lạnh. Khi mua các sản phẩm đông lạnh nên mua tại các cơ sở sản xuất có uy tín, được chứng nhận đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Kiểm tra kỹ tình trạng thực phẩm, hạn sử dụng, bao bì không bị rách, thực phẩm không có màu sắc hoặc mùi vị bất thường...

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Giá cả trong tỉnh

T T	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 09/5/2022	Giá cả TT Ngày 16/5/2022	T T	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 09/5/2022	Giá cả TT Ngày 16/5/2022
I	Thực phẩm tiêu dùng			9	Dưa leo	15.000	15.000
1	Cá điêu hồng	45.000	50.000	10	Khoai cao	50.000	40.000
2	Cá lóc nuôi	50.000	50.000	11	Nấm rơm	90.000	100.000
3	Cá kèo nuôi	80.000	85.000	12	Bắp cải trắng	12.000	12.000
4	Cá rô phi	35.000	38.000	13	Đậu que	30.000	30.000
5	Cá trê nuôi	35.000	35.000	14	Đậu đũa	16.000	16.000
6	Cá tra (cá hú)	60.000	60.000	15	Cà tím	22.000	16.000
7	Cá tra thịt trắng	45.000	45.000	16	Bí đao	12.000	14.000
8	Lươn loại 1	180.000	190.000	17	Bí rợ (bí đỏ)	15.000	20.000
9	Ếch nuôi	60.000	60.000	18	Ớt	55.000	50.000
10	Tôm càng xanh	240.000	240.000	19	Gừng	22.000	22.000
11	Mực ống loại lớn	180.000	180.000	20	Đậu bắp	16.000	16.000
12	Thịt heo đùi	110.000	100.000	21	Khô qua	28.000	28.000
13	Thịt heo nạc	110.000	120.000	22	Bầu	16.000	16.000
14	Thịt heo ba rọi	120.000	120.000	23	Cà chua	30.000	30.000
15	Thịt bò đùi	220.000	220.000	III	Trái cây		
16	Thịt bò phi lê (thăn)	230.000	230.000	1	Quýt đường	50.000	45.000
17	Vịt làm sẵn (nguyên con)	80.000	85.000	2	Bưởi năm roi	55.000	40.000
18	Thịt gà ta (nguyên con)	130.000	130.000	3	Xoài cát Hòa Lộc	25.000	20.000
19	Trứng gà ta	3.500	3.600	4	Xoài cát chu	20.000	15.000
20	Trứng gà công nghiệp	3.200	3.200	5	Táo Mỹ	80.000	80.000
21	Trứng vịt	3.000	3.000	6	Táo xanh	80.000	80.000
II	Rau củ quả			7	Dưa hấu	15.000	12.000
1	Cải xanh	18.000	20.000	8	Sapo	25.000	25.000
2	Cải ngọt	18.000	20.000	9	Cam mật	30.000	30.000
3	Cải thìa	16.000	22.000	10	Cam sành	40.000	35.000
4	Rau muống	20.000	12.000	11	Thanh Long	15.000	15.000
5	Rau mồng tơi	14.000	20.000	12	Chôm chôm nhãn	35.000	40.000
6	Cải xà lách	14.000	30.000	13	Mãng cầu xiêm	30.000	30.000
7	Hành lá	40.000	25.000	14	Mãng cầu ta	35.000	35.000
8	Củ kiệu	22.000	20.000	15	Ổi	15.000	15.000

Nguồn: Tiểu thương chợ Trà Vinh (Biên soạn lại: Phạm Thành Nam - Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại TV)

GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Giá cả khu vực đồng bằng sông Cửu Long

T T	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 09/5/2022	Giá cả TT Ngày 16/5/2022	T T	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 09/5/2022	Giá cả TT Ngày 16/5/2022
I	Thực phẩm tiêu dùng			31	Cần tàu	30.000	30.000
1	Cải ngọt	15.000	15.000	32	Kiêu	35.000	35.000
2	Cải xanh	12.000	12.000	33	Bầu	14.000	15.000
3	Củ cải trắng	22.000	22.000	34	Muróp	14.000	12.000
4	Rau muống	15.000	15.000	II	Trái cây		
5	Cải xoong	35.000	35.000	1	Cam sành	22.000	35.000
6	Rau dền	15.000	15.000	2	Cam mật	20.000	30.000
7	Mồng toi	14.000	14.000	3	Quýt đường	50.000	45.000
8	Bông bí	20.000	20.000	4	Bưởi năm roi	45.000	40.000
9	Xà lách	20.000	20.000	5	Bưởi da xanh	55.000	50.000
10	Su su	25.000	25.000	6	Xoài cát Chu	30.000	15.000
11	Bắp non	35.000	35.000	7	Xoài cát Hoà Lộc	35.000	20.000
12	Cà rốt	30.000	30.000	8	Xoài Đài Loan	22.000	12.000
13	Khoai tây	30.000	30.000	9	Chôm chôm nhãn	30.000	40.000
14	Củ dền	25.000	25.000	10	Chôm chôm Java	28.000	30.000
15	Cải thảo	25.000	25.000	11	Mãng cầu xiêm	30.000	30.000
16	Dưa leo	20.000	20.000	12	Mãng cầu ta	35.000	35.000
17	Cà tím	18.000	18.000	13	Dưa hấu	12.000	12.000
18	Bí đao	15.000	15.000	14	Thanh Long	15.000	15.000
19	Bí rợ	20.000	20.000	15	Sapo	25.000	25.000
20	Đậu bắp	15.000	15.000	16	Ổi	15.000	15.000
21	Khổ qua	20.000	20.000	17	Táo xanh	80.000	80.000
22	Cà chua	20.000	20.000	18	Táo Mỹ	80.000	80.000
23	Hành lá	40.000	40.000	19	Táo Trung Quốc	55.000	50.000
24	Hẹ	30.000	30.000	20	Nho Mỹ	200.000	200.000
25	Khoai cao	25.000	25.000	III	Gạo		
26	Bắp cải trắng	20.000	20.000	1	Gạo thơm Jasmine	16.000	16.000
27	Đậu que	20.000	20.000	2	Gạo Hương Lài	19.000	19.000
28	Đậu đũa	15.000	15.000	3	Gạo thơm Đài Loan	20.000	20.000
29	Măng tươi	45.000	45.000	4	Gạo Nàng Hoa	17.500	17.500
30	Ớt	40.000	40.000	5	Gạo thường	14.000	14.500

Nguồn: Sở Nông nghiệp An Giang (Biên soạn lại: Phạm Thành Nam - TT Khuyến công và Xúc tiến Thương mại TV)

THÔNG TIN GIỚI THIỆU VỀ SẢN PHẨM OCOP TỈNH TRÀ VINH

GẠO QUÊ TÔI (OCOP 3 SAO) DOANH NGHIỆP TỰ NHẬN THUẬN THIÊN TRÀ VINH



Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHẠM VĂN TÁM

Giám đốc Sở Công Thương

Ban Biên tập:

NGUYỄN THỊ MỘNG THU - Trưởng ban

VÕ MINH CẦM - Phó Trưởng ban

XUẤT BẢN PHẨM KHÔNG BÁN

In: 500 cuốn, khổ 19 x 27 cm. Tại Công ty Cổ phần VHTH Trà Vinh. Giấy phép xuất bản số 01/GP-XBBT do Sở Thông tin và Truyền thông cấp ngày 17/02/2022. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2022.